

Số /QĐ-UBND Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Đề án triển khai thí điểm mô hình "xã, phường xã hội chủ nghĩa" trên địa bàn thành phố Hà Nội"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 08/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về xây dựng và triển khai thí điểm mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 485/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về Kế hoạch tài chính 05 năm thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 29/11/2025 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 15/02/2026 của ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị khoá XIV về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng mô hình Xã/Phường Chủ nghĩa xã

hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội tại Tờ trình số 591/TTr-VNC ngày 09/7/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Đề án triển khai thí điểm mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn thành phố Hà Nội" (*Đề án chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các ban Đảng thuộc Thành ủy;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, các phòng CM, Trung tâm TTDL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đại Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH “XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA” TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND thành phố Hà Nội)*

I. SỰ CẦN THIẾT, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Qua 40 năm thực hiện đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được chú trọng; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ Thành phố được nâng lên; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền được củng cố. Kinh tế Thủ đô duy trì tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt nhiều kết quả; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng cao; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng; vị thế, uy tín của Thủ đô ngày càng được khẳng định.

Ngày 17/3/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, xác định mục tiêu xây dựng, phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển. Trong bối cảnh đó, cấp xã, phường không chỉ là cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ hành chính, mà phải trở thành không gian tổ chức phát triển, nơi trực tiếp chuyển hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển của Thành phố thành kết quả cụ thể trong đời sống hằng ngày của Nhân dân.

Tuy nhiên, thực tiễn ở cấp xã, phường vẫn còn những hạn chế, bất cập: quy mô kinh tế nhỏ lẻ, phân tán; quản trị thiên về hành chính; chất lượng dịch vụ công, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng đều; tổ chức không gian phát triển, khai thác đất đai, hạ tầng và các nguồn lực tại chỗ có nơi chưa hiệu quả; đời sống

văn hóa, mức độ gắn kết cộng đồng, môi trường sống còn chịu nhiều áp lực; yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an ninh mạng, an toàn dữ liệu và quản trị trên nền tảng số đặt ra ngày càng cao. Những vấn đề đó đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, quản lý, tổ chức phát triển ở cấp cơ sở theo hướng hiện đại, phục vụ, minh bạch, hiệu quả, lấy chất lượng sống, sự hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân làm thước đo.

Việc xây dựng "Đề án triển khai thí điểm mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn thành phố Hà Nội” là yêu cầu có ý nghĩa chính trị, xã hội và thực tiễn sâu sắc; vừa cụ thể hóa các giá trị, mục tiêu, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam trong điều kiện phát triển mới của Thủ đô, vừa tạo cơ sở kiểm nghiệm, hoàn thiện mô hình quản trị cấp cơ sở hiện đại, dân chủ, kỷ cương, nhân văn, phát triển, phù hợp với yêu cầu xây dựng Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”.

2. Quan điểm

2.1. Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” phải quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bám sát Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, định hướng phát triển Thủ đô và các nguyên tắc phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa, lấy hạnh phúc, chất lượng sống của Người dân làm mục tiêu cao nhất; là thước đo tổng hợp để đánh giá hiệu quả của mọi chính sách, hoạt động quản trị và kết quả phát triển ở cấp cơ sở trên địa bàn Thủ đô. Phát triển không chỉ dừng lại ở tăng trưởng kinh tế mà phải hướng tới nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần, môi trường sống và cảm nhận hạnh phúc của Người dân, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả phát triển một cách công bằng, bền vững.

2.2. Mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” phải thể hiện rõ bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa từ cấp gần dân nhất; trong đó người dân là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển; mọi chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phải hướng tới nâng cao chất lượng sống, bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau; lấy sự đồng thuận, hài lòng, mức độ thụ hưởng và hạnh phúc của Nhân dân làm thước đo quan trọng.

2.3. Xây dựng mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" hướng tới phát triển hài hòa, đồng bộ giữa kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường, bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng với tiến bộ, công bằng xã hội, giữa phát triển vật chất với nâng cao đời sống tinh thần, giữa khai thác nguồn lực với bảo vệ môi trường. Trong đó, văn hóa và con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực nội sinh, “hệ điều tiết” của quá trình phát triển; môi trường sống xanh, sạch, an toàn và văn minh sinh thái là

một cấu phần thiết yếu của chất lượng sống; phát triển văn hóa là giải pháp then chốt để quản trị sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh di cư và gia tăng dân số cơ học tại xã/phường thí điểm.

2.4. Việc triển khai thí điểm phải gắn đổi mới quản trị với tổ chức lại không gian phát triển theo quy hoạch; sử dụng hiệu quả đất đai, hạ tầng, tài sản công và các nguồn lực tại chỗ; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

2.5. Xây dựng mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" phải bảo đảm kế thừa truyền thống, phát huy bản sắc Hà Nội, kết hợp hài hòa giữa giá trị văn hiến lâu đời với yêu cầu phát triển hiện đại, góp phần hình thành và lan tỏa hình ảnh Thủ đô văn minh, thanh lịch, nhân văn, kỷ cương. Việc tổ chức thí điểm phải theo phương châm tinh gọn, thiết thực, khả thi, có thể triển khai ngay, đo lường được và nhân rộng được; lựa chọn địa bàn đại diện, thiết kế mô hình rõ ràng, xác định cụ thể tiêu chí, chỉ số đánh giá và cơ chế giám sát, bảo đảm quá trình thí điểm tạo ra kết quả thực chất, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoàn thiện, mở rộng mô hình trên phạm vi toàn Thành phố.

2.6. Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm nguyên tắc không làm phát sinh đầu mối tổ chức trung gian, không làm tăng biên chế; gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, cải cách hành chính, chuyển đổi số, trách nhiệm giải trình và đổi mới phương thức quản trị địa phương. Nâng cao trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, phối hợp, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện trong thời gian thực.

3. Mục tiêu của Đề án

3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn Thủ đô Hà Nội nhằm kiểm nghiệm, cụ thể hóa trong thực tiễn các giá trị, mục tiêu, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam ở cấp cơ sở; hình thành mô hình quản trị và phát triển xã, phường hiện đại, phục vụ, minh bạch, hiệu quả; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng sống, sự hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân; từng bước hoàn thiện tiêu chí, cơ chế, chính sách, phương thức tổ chức thực hiện để nhân rộng trên phạm vi toàn Thành phố.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Làm rõ cơ sở khoa học, thực tiễn; cơ sở chính trị, pháp lý và phương thức triển khai mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa ở cấp cơ sở, bảo đảm có thể đo lường, đánh giá, kiểm chứng trong thực tiễn.

- Hình thành khung cơ chế, chính sách, mô hình quản trị và hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá phù hợp với đặc thù của Thủ đô, có khả năng đo lường, giám sát, kiểm chứng trong thực tiễn; lấy chất lượng sống, sự hài lòng, mức độ thụ hưởng và hạnh phúc của Nhân dân làm tiêu chí tổng hợp quan trọng.

- Kiểm nghiệm tính khả thi và hiệu quả của việc tổ chức lại không gian phát triển và mô hình tăng trưởng ở cấp cơ sở, làm cơ sở hoàn thiện công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc” trong kỷ nguyên phát triển mới.

4. Nhiệm vụ của Đề án

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị theo hướng chính quyền số, chính quyền phục vụ, minh bạch, có trách nhiệm giải trình, bảo đảm người dân tham gia thực chất vào quá trình quyết định; lấy mức độ hài lòng của Người dân làm thước đo;

- Tổ chức lại không gian phát triển xã/phường theo quy hoạch, sử dụng hiệu quả đất đai, hạ tầng và nguồn lực, tạo nền tảng cho đổi mới mô hình tăng trưởng ở cấp cơ sở, gắn phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng sống của người dân;

- Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với xây dựng không gian sống thông minh, nâng cao chất lượng và tiện ích phục vụ người dân;

- Phát triển kinh tế xã/phường theo hướng liên kết, hợp tác, chia sẻ lợi ích, nâng cao thu nhập đi đôi với bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển;

- Bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bao phủ dịch vụ thiết yếu, chăm lo các nhóm yếu thế, không để ai bị bỏ lại phía sau;

- Xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, đoàn kết, nghĩa tình, phát huy vai trò tự quản và trách nhiệm xã hội của người dân;

- Cải thiện chất lượng môi trường sống gắn với tổ chức không gian sống hợp lý, hình thành lối sống xanh, tiêu dùng bền vững và trách nhiệm cộng đồng, hướng tới văn minh sinh thái;

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo hướng chủ động phòng ngừa từ cơ sở, dựa vào Nhân dân và vì Nhân dân;

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số toàn diện, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, tham gia và thụ hưởng thành quả của xã hội số nhân văn, công bằng, an toàn, không tạo khoảng cách số nhằm hiện thực hóa các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn quản trị cơ sở

dựa trên dữ liệu, tổ chức không gian phát triển hiệu quả nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình đến phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

5. Phạm vi của Đề án

** Phạm vi không gian:*

- Triển khai thí điểm tại 02 xã liền kề (Phúc Thịnh và Thư Lâm) cơ bản hội tụ tiêu chí tổ chức không gian phát triển, còn nhiều dư địa phát triển, có vị trí tương đối độc lập, thuận lợi kết nối với các trục giao thông chính, hành lang xanh, hệ thống sông hồ và các không gian chức năng liên quan, đô thị hoá nhanh theo hướng xanh - thông minh - bền vững, có định hướng phát triển phù hợp; thí điểm song song, đến thời điểm cơ bản hoàn thiện sẽ nghiên cứu, báo cáo đề xuất Trung ương xem xét cho phép hợp nhất thành một theo thẩm quyền; với kỳ vọng, đến năm 2030 cơ bản xây dựng được một mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa đảm bảo quy mô, điều kiện đáp ứng nhu cầu, thu hút khoảng 700.000 Người dân sinh sống.

- 124 xã/phường (*ngoài 02 xã được lựa chọn thí điểm*) áp dụng các tiêu chí phù hợp để triển khai ngay từ năm 2026.

** Phạm vi thời gian:*

- Giai đoạn 2026 – 2030:

+ Năm 2026: ban hành các đề án/kế hoạch/dự án thành phần, bố trí nguồn lực và triển khai thực hiện trên toàn Thành phố; triển khai thí điểm tại 02 xã Phúc Thịnh và Thư Lâm.

+ Từ năm 2027 đến năm 2030: triển khai đồng bộ tại địa bàn thí điểm, kiểm tra, giám sát; 124 xã/phường (*ngoài 02 xã được lựa chọn thí điểm*) áp dụng các tiêu chí phù hợp để triển khai trên địa bàn; năm 2030 sơ kết và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá.

- Giai đoạn 2031 – 2035 tiếp tục thực hiện và tổng kết Đề án vào năm 2035.

II. NỘI DUNG

1. Căn cứ xây dựng Đề án

1.1. Căn cứ khoa học và thực tiễn

Đề án được xây dựng trên cơ sở lý luận về mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vận hành trên 03 trụ cột cơ bản: (1) kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; (3) nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. 03 trụ cột tạo thành một chỉnh thể thống nhất, bảo đảm phát triển kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển văn hóa, con người và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

Về mục tiêu và bản chất, mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định với 08 đặc trưng cơ bản: (1) dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (2) do Nhân dân làm chủ; (3) có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (4) có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; (7) có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; (8) có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đây là hệ giá trị nền tảng để cụ thể hóa thành các mô hình tổ chức và quản trị ở từng cấp, nhất là cấp cơ sở.

Trong giai đoạn phát triển mới, Đảng ta nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng quản trị phát triển, hoàn thiện thể chế phát triển nhanh và bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển văn hóa và nâng cao đời sống Nhân dân. Điều đó đòi hỏi phải có một mô hình tích hợp ở cấp cơ sở để chuyển hóa các giá trị, mục tiêu và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội thành các tiêu chí, chuẩn mực và công cụ quản trị cụ thể, có thể đo lường, đánh giá và kiểm chứng trong thực tiễn.

Trên cơ sở các luận cứ nêu trên, ***xã/phường xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình tổ chức phát triển và quản trị tích hợp ở cấp cơ sở, trong đó xã/phường không chỉ thực hiện chức năng hành chính mà là đơn vị trực tiếp chuyển hóa các mục tiêu, giá trị và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội thành kết quả phát triển cụ thể trên địa bàn.***

Mô hình này thể hiện bước phát triển về chất của cấp cơ sở, thông qua việc tổ chức lại không gian phát triển, tái cấu trúc các hoạt động kinh tế - xã hội và đổi mới phương thức quản trị, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển văn hóa, con người và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đồng thời thiết lập hệ thống tiêu chí, công cụ quản trị có thể đo lường, đánh giá và kiểm chứng trong thực tiễn.

Xã/phường xã hội chủ nghĩa có các đặc điểm cơ bản sau: (1) chính quyền cơ sở hoạt động theo hướng kiến tạo, phục vụ, minh bạch và có trách nhiệm giải trình; (2) người dân là chủ thể tham gia thực chất vào quá trình quản trị và phát triển; (3) không gian phát triển được tổ chức lại theo quy hoạch, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực và hình thành các liên kết kinh tế - xã hội; (4) phát triển

gắn với công bằng, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng sống; (5) văn hóa, con người và cộng đồng là nền tảng nội sinh của phát triển; (6) môi trường sinh thái được bảo vệ, hướng tới không gian sống xanh, an toàn; (7) quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội được giữ vững từ cơ sở; (8) khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong quản trị và cung cấp dịch vụ. Mức độ cải thiện chất lượng sống, sự hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân là thước đo tổng hợp, quan trọng nhất của mô hình.

Trong bối cảnh thế giới và trong nước đang chuyển biến nhanh, sâu sắc dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững ngày càng gắn chặt với yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị, chất lượng sống và năng lực thích ứng của từng cấp, từng địa bàn. Sau 40 năm đổi mới, đất nước đã đạt nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế, hoàn thiện thể chế, nâng cao đời sống Nhân dân và củng cố niềm tin xã hội; đồng thời cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục cụ thể hóa mô hình xã hội chủ nghĩa bằng những thiết chế, mô hình phát triển và công cụ quản trị có thể triển khai, đo lường, kiểm chứng trong thực tiễn.

Đối với Hà Nội, yêu cầu đó càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh Thủ đô bước vào giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi cao hơn về chất lượng tăng trưởng, chất lượng quản trị và chất lượng sống của người dân. Quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số, công dân số và mở rộng không gian phát triển đang tạo ra cả thời cơ lẫn thách thức mới. Thực tiễn cũng cho thấy, nhiều vấn đề nổi lên ở cấp cơ sở như tổ chức không gian phát triển chưa hợp lý, liên kết kinh tế còn hạn chế, chất lượng dịch vụ công chưa đồng đều, đời sống văn hóa cộng đồng và môi trường sống còn nhiều áp lực, trong khi yêu cầu về an ninh, an toàn, minh bạch và sự tham gia thực chất của người dân ngày càng cao. Đây chính là những luận cứ thực tiễn đặt ra yêu cầu phải xây dựng một mô hình tích hợp ở cấp xã/phường, vừa phát huy vai trò lãnh đạo, quản trị và tổ chức cộng đồng, vừa trực tiếp nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của Người dân.

Từ cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển, việc xây dựng và thí điểm mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa ở Hà Nội là cần thiết nhằm tạo ra một khuôn mẫu phát triển mới ở cấp cơ sở, nơi các định hướng về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng, an ninh và chuyển đổi số... được tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, có thể đánh giá bằng kết quả cụ thể. Việc lựa chọn thí điểm tại địa bàn để kiểm nghiệm mô hình xã hội chủ nghĩa, tính khả thi và giá trị thực tiễn của Đề án, kịp thời nhân rộng toàn Thành phố là phù hợp.

1.2. Căn cứ chính trị, pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011);

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

- Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

- Các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước; số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026, về phát triển văn hoá Việt Nam; số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài...;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô;

- Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của đất nước (2021-2030);

- Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XVIII Đảng bộ thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 08/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về xây dựng và triển khai thí điểm mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" trên địa bàn Thành phố;

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 29/11/2025 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 15/02/2026 của ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị khoá XIV về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 485/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về Kế hoạch tài chính 05 năm thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030;

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng mô hình Xã/Phường Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo;

- Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND Thành phố về việc thành lập Tổ công tác xây dựng mô hình Xã/Phường Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo;

- Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

2. Nội dung xây dựng mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa

Nội dung xây dựng mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa được xác định trên cơ sở cụ thể hóa 08 đặc trưng của xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào điều kiện thực tiễn cấp cơ sở của Thủ đô Hà Nội. Theo đó, mỗi nội dung không tách rời mà gắn kết hữu cơ, bổ sung cho nhau, tạo thành một chỉnh thể phát triển thống nhất, trong đó phát triển kinh tế, quản trị, văn hóa, con người, an sinh xã hội, hạ tầng đồng bộ, môi trường, quốc phòng - an ninh, đối ngoại nhân dân, khoa học - công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cùng hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sống, hạnh phúc của Nhân dân.

2.1. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, quản trị phục vụ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân

- Xây dựng tổ chức Đảng ở xã/phường thành hạt nhân lãnh đạo phát triển toàn diện, không chỉ lãnh đạo nhiệm vụ chính trị thường xuyên mà trực tiếp định hướng, lựa chọn các vấn đề đột phá của địa bàn, gắn nghị quyết của cấp ủy với chỉ tiêu phát triển, chất lượng sống, mức độ hài lòng và hạnh phúc của người dân.

- Xây dựng chính quyền xã/phường số, chính quyền phục vụ dựa trên dữ liệu và kết quả; chuyển mạnh từ “quản lý” sang “kiến tạo - dẫn dắt phát triển”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống quản trị, có trách nhiệm kết nối quy hoạch, đất đai, hạ tầng, sinh kế, dịch vụ công, an sinh, môi trường và an ninh... trên cùng một không gian quản trị.

- Thiết lập cơ chế “một địa bàn - một bộ dữ liệu - một kế hoạch hành động - một hệ thống chỉ số theo dõi”, làm cơ sở điều hành, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mô hình.

- Người dân tham gia thực chất giám sát, phản biện xây dựng đảng và chính quyền; tham gia góp ý, lựa chọn ưu tiên phát triển, giám sát dự án, đánh giá dịch vụ công và chấm điểm mức độ hài lòng đối với chính quyền cơ sở.

- Công khai định kỳ các chỉ số về tiến độ nhiệm vụ, ngân sách, quy hoạch, môi trường sống, an sinh, an ninh và mức độ hài lòng của Người dân; lấy kết quả này làm căn cứ đánh giá tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, công chức và người đứng đầu.

2.2. Phát triển hạ tầng hiện đại, đồng bộ và không gian sống thông minh

- Tổ chức phát triển hạ tầng theo hướng phát triển đô thị văn minh, hiện đại, tính kết nối “làng trong phố, phố trong làng”, kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và hiện đại; đồng bộ, thống nhất trên toàn địa bàn, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa các hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo.

- Gắn phát triển hạ tầng với tổ chức lại không gian xã/phường, bảo đảm sắp xếp và phân bố hợp lý khu dân cư, không gian công cộng, dịch vụ thiết yếu và các khu chức năng, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và hoạt động của người dân.

- Tăng cường tính kết nối và liên thông của hệ thống hạ tầng trên địa bàn, bảo đảm sự gắn kết hiệu quả giữa các khu chức năng và giữa xã/phường với các khu vực lân cận.

- Ưu tiên phát triển các công trình và hạ tầng thiết yếu có tính nền tảng, tạo điều kiện cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, an sinh và quản trị vận hành hiệu quả trên cùng một không gian.

- Lấy mức độ đồng bộ của hạ tầng, tính hợp lý của tổ chức không gian và khả năng tiếp cận thực tế của người dân làm thước đo đánh giá hiệu quả.

2.3. Phát triển kinh tế trên địa bàn xã/phường gắn với lực lượng sản xuất hiện đại, xanh, số hóa, tuần hoàn

- Chuyển phát triển kinh tế xã/phường từ mô hình tự phát, phân tán theo hộ sang mô hình tổ chức kinh tế theo không gian, gắn hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng, giao thông, dân cư và không gian công cộng.

- Hình thành các cụm kinh tế cơ sở phù hợp với đặc điểm từng địa phương, như: cụm thương mại - dịch vụ, cụm làng nghề, cụm nông nghiệp đô thị, cụm kinh tế đêm, cụm dịch vụ cộng đồng, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả sử dụng không gian.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; thiết lập cơ chế liên kết giữa hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và chuỗi cung ứng, chuyển từ kinh tế nhỏ lẻ sang kinh tế hợp tác, có thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, thị trường đầu ra và phân chia lợi ích minh bạch.

- Phát triển kinh tế số ở cấp cơ sở thông qua số hóa hộ kinh doanh, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng nền tảng quảng bá - tiêu thụ sản phẩm địa phương. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế dữ liệu, kinh tế tri thức, kinh tế sáng tạo nhằm phát huy lợi thế của địa phương, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào tăng năng suất lao động bằng tri thức, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn lực văn hóa và chất lượng nguồn nhân lực.

- Lấy hiệu quả sử dụng đất đai, hạ tầng, số lượng mô hình liên kết kinh tế, thu nhập của người dân và mức độ tham gia của hộ dân vào kinh tế số làm thước đo kết quả phát triển kinh tế xã/phường.

2.4. Bảo đảm an sinh xã hội, công bằng và phát triển bao trùm

- Bảo đảm mỗi người dân được tiếp cận đầy đủ, thuận tiện và bình đẳng các dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, an sinh, nước sạch, thông tin...), tổ chức theo nguyên tắc “gần dân – dễ tiếp cận – một điểm đến” gắn với không gian sống và nền tảng số.

- Chuyển từ hỗ trợ dần trải sang quản lý an sinh theo đối tượng cụ thể, xây dựng hồ sơ số cho từng nhóm dân cư để xác định đúng nhu cầu, hỗ trợ kịp thời, đúng mức và liên thông giữa các chính sách.

- Ưu tiên chăm lo các nhóm yếu thế (người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động phi chính thức, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...) theo hướng không chỉ trợ cấp mà tạo sinh kế, cơ hội tiếp cận dịch vụ và hòa nhập cộng đồng.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân trong cung ứng dịch vụ và chăm lo an sinh, hình thành mạng lưới hỗ trợ tại chỗ.

- Lấy mức độ bao phủ dịch vụ thiết yếu, khả năng tiếp cận thực tế của người dân và mức giảm thiểu đối tượng dễ bị tổn thương làm thước đo hiệu quả.

2.5. Phát triển văn hóa, con người Hà Nội thanh lịch, văn minh

- Chuyển từ phát triển văn hóa theo phong trào sang xây dựng môi trường văn hóa gắn với không gian sống, trong đó di sản, thiết chế văn hóa, không gian công cộng và hoạt động sáng tạo được tổ chức đồng bộ, trở thành nguồn lực phát triển tại địa phương.

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển các hoạt động sáng tạo, dịch vụ văn hóa, công nghiệp văn hóa quy mô cộng đồng, tạo sinh kế và bản sắc riêng cho từng địa phương.

- Bảo đảm người dân vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tượng thụ hưởng văn hóa, với khả năng tiếp cận thuận tiện các không gian văn hóa, hoạt động cộng đồng và sản phẩm văn hóa đa dạng.

- Xây dựng con người Hà Nội thanh lịch, văn minh gắn với chuẩn mực ứng xử trong cộng đồng và môi trường số, nâng cao ý thức công dân, trách nhiệm xã hội và lối sống văn minh.

- Củng cố gắn kết cộng đồng thông qua các mô hình tự quản, hoạt động cộng đồng và không gian chung, hình thành mạng lưới xã hội bền vững tại cơ sở.

- Thiết lập hệ thống đo lường đa chiều về phát triển con người và chất lượng sống (thu nhập, tiếp cận dịch vụ, môi trường, văn hóa, an toàn, mức độ hài lòng), gắn kết trực tiếp với tổ chức không gian phát triển, điều hành chính sách ở địa phương.

2.6. Xây dựng môi trường sống xanh, an toàn và bền vững

- Chuyển từ quản lý môi trường theo xử lý hậu quả sang tổ chức môi trường sống ngay từ không gian phát triển, gắn quy hoạch đất đai, hạ tầng, dân cư với yêu cầu xanh, sạch, an toàn và thích ứng.

- Tổ chức lại không gian xã/phường theo hướng tăng mật độ không gian xanh, hạ tầng xanh và các khu chức năng thân thiện môi trường, bảo đảm người dân tiếp cận thuận tiện với môi trường sống chất lượng.

- Triển khai kinh tế tuần hoàn ở cấp cơ sở thông qua giảm phát sinh - phân loại tại nguồn (rác, nước thải) - tái sử dụng - tái chế, gắn với mô hình cộng đồng và sinh kế tại địa phương.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất đai, nước, năng lượng, hạ tầng kỹ thuật...) trên cùng một hệ thống, giảm lãng phí, giảm phát thải và áp lực môi trường.

- Lấy chất lượng môi trường sống (không khí, nước, rác thải, không gian xanh...) và mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động bảo vệ môi trường làm thước đo kết quả.

2.7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội và mở rộng đối ngoại nhân dân

- Tổ chức bảo đảm quốc phòng, an ninh theo hướng tích hợp trên địa bàn, gắn với quản trị dân cư, không gian phát triển và hoạt động cộng đồng, hình thành thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay từ cơ sở.

- Chuyển từ xử lý vụ việc sang phòng ngừa chủ động, phát hiện sớm, xử lý từ đầu các nguy cơ về an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn trong cộng đồng thông qua hệ thống giám sát tại địa phương và sự tham gia của Người dân.

- Bảo đảm an ninh mạng và an toàn dữ liệu ở cấp cơ sở, gắn với quản lý dân cư, dịch vụ công và các nền tảng số, nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo vệ thông tin cho Người dân.

- Xây dựng, nâng cao năng lực phòng thủ dân sự, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn theo phương châm “tại chỗ, kịp thời, hiệu quả”, kết hợp lực lượng chuyên trách với mạng lưới cộng đồng.

- Phát huy đối ngoại nhân dân ở cấp xã/phường thông qua các hoạt động giao lưu, kết nối cộng đồng, quảng bá hình ảnh địa phương, góp phần lan tỏa giá trị văn hóa, con người và hình ảnh Hà Nội văn minh, an toàn.

2.8. Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tích hợp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án phát triển của địa phương, giải quyết hiệu quả các điểm nghẽn trên địa bàn.

- Triển khai chuyển đổi số toàn diện ở cấp xã/phường, quản trị dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và cơ chế khai thác, chia sẻ dữ

liệu trên địa bàn thành phố Hà Nội; lấy dữ liệu số và nền tảng số làm công cụ trung tâm để đổi mới phương thức quản trị, phục vụ, kết nối Người dân.

- Xây dựng chính quyền số ở cấp cơ sở theo hướng vận hành trên nền tảng dữ liệu thống nhất, xử lý công việc trên môi trường số, giảm tiếp xúc trực tiếp, rút ngắn thời gian và nâng cao minh bạch.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp trên một nền tảng, bảo đảm người dân chỉ cần một tài khoản, một lần cung cấp thông tin, giảm thủ tục và chi phí xã hội.

- Phát triển xã hội số, công dân số thông qua đào tạo bồi dưỡng, tập huấn theo khung năng lực số, kỹ năng số, thanh toán số, dịch vụ số thiết yếu, bảo đảm mọi người dân có thể tham gia, sử dụng và thụ hưởng, không tạo ra khoảng cách số.

- Tổ chức quản trị, điều hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu số; Ứng dụng dữ liệu số trong quản lý dân cư, đất đai, doanh nghiệp, quy hoạch, tổ chức không gian phát triển, cung cấp dịch vụ công và giám sát chất lượng sống; lấy mức độ tạo lập, cung cấp, kết nối và khai thác dữ liệu số nâng cao hiệu quả xử lý công việc và trải nghiệm của Người dân trên môi trường số làm thước đo đánh giá hiệu quả.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

3.1. Hoàn thiện thể chế

Hoàn thiện thể chế là điều kiện tiên quyết để triển khai xây dựng mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" trong bối cảnh đây là mô hình thí điểm, chưa có tiền lệ và chưa có khuôn khổ pháp lý đầy đủ. Trọng tâm là rà soát, bổ sung và thiết kế các cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù cấp xã/phường, bảo đảm vừa đúng quy định hiện hành, vừa tạo không gian linh hoạt cho đổi mới. Bám sát quy định của Luật Thủ đô năm 2026 để nghiên cứu cơ chế đặc thù về tái định cư, giải phóng mặt bằng, chỉnh trang các khu dân cư nhỏ lẻ, tổ chức lại không gian phát triển; đồng thời nghiên cứu cơ chế để lại nguồn thu, tăng tính chủ động, tự chủ và khả năng huy động nguồn lực cho địa bàn thí điểm.

Xây dựng cơ chế thí điểm có kiểm soát đối với các nội dung mới, như: tổ chức lại không gian phát triển, mô hình quản trị xã/phường phục vụ, cơ chế tham gia của người dân, đo lường chất lượng sống và chỉ số hạnh phúc. Cho phép áp dụng các cơ chế linh hoạt về phân cấp, ủy quyền, phối hợp liên ngành để rút ngắn quy trình, nâng cao hiệu quả điều hành.

Hoàn thiện các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị của người dân theo hướng nhanh chóng,

hiệu quả, có phản hồi rõ ràng. Đồng thời, xây dựng khung tiêu chí, chỉ số đánh giá thống nhất để theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chí theo hướng cụ thể, có khả năng định lượng, có phương pháp đo lường thống nhất; phân loại rõ nhóm tiêu chí bắt buộc, nhóm tiêu chí khuyến khích và nhóm tiêu chí đặc thù phù hợp với từng loại hình xã, phường. Đối với từng tiêu chí, cần xác định rõ lộ trình thực hiện, nguồn dữ liệu, tần suất đánh giá, cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật, tổng hợp và cơ chế công khai kết quả, bảo đảm thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá, điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

3.2. Tổ chức triển khai thí điểm có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình cụ thể

Triển khai thí điểm tại 02 xã Phúc Thịnh và Thư Lâm; bảo đảm việc thí điểm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với định hướng tổ chức không gian phát triển, điều kiện hạ tầng, tiềm năng phát triển, năng lực quản trị và mức độ sẵn sàng đổi mới của hệ thống chính trị cơ sở.

Xây dựng phương án quản trị địa phương trong điều kiện quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và nhu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn thí điểm tăng nhanh, trong khi vẫn bảo đảm nguyên tắc không làm tăng biên chế. Việc thí điểm phải gắn với chuẩn bị đồng bộ điều kiện về hạ tầng, dữ liệu, nhân lực, phương thức điều hành và cơ chế phối hợp liên ngành, bảo đảm địa bàn thí điểm có khả năng vận hành thực chất, hiệu quả.

Đánh giá tác động toàn diện đối với địa bàn thí điểm, các thuận lợi, khó khăn, yêu cầu về nguồn lực, hạ tầng, nhân lực, dữ liệu, năng lực quản trị và các điều kiện bảo đảm thực hiện; đồng thời nghiên cứu kỹ tác động vùng, tác động liên xã, liên phường, nhất là về kết nối hạ tầng, giao thông, dịch vụ đô thị, dân cư, môi trường, an ninh, trật tự và tổ chức không gian phát triển. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa địa bàn thí điểm với các xã, phường lân cận để kịp thời xử lý các vấn đề liên thông phát sinh trong quá trình triển khai.

Đối với các xã, phường còn lại của Thành phố, tổ chức hướng dẫn áp dụng các tiêu chí phù hợp theo từng nhóm địa bàn; làm rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, mức độ áp dụng và cơ chế đánh giá, bảo đảm các địa bàn chủ động rà soát, đăng ký, phân đấu theo Bộ tiêu chí, lựa chọn nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn, không chờ đợi, không áp dụng máy móc, không làm hình thức.

Năm 2026 tập trung hoàn thiện, ban hành Đề án; xây dựng kế hoạch triển khai, các chương trình, đề án, dự án thành phần; kiện toàn cơ chế chỉ đạo, điều hành; xác định nhiệm vụ ưu tiên, nhu cầu và phương án bố trí nguồn lực; hướng dẫn các xã, phường áp dụng tiêu chí phù hợp để triển khai tại địa phương.

Giai đoạn 2027 - 2030 tổ chức triển khai đồng bộ tại địa bàn thí điểm; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện trên cơ sở Bộ tiêu chí; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp; đồng thời theo dõi, đánh giá việc áp dụng tiêu chí tại các xã, phường còn lại.

Năm 2030 tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thí điểm, hoàn thiện tiêu chí, cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện, làm cơ sở xem xét mở rộng, nhân rộng mô hình trong giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 2031 - 2035 tiếp tục triển khai, hoàn thiện mô hình, mở rộng đối với các địa bàn đủ điều kiện.

Năm 2035 tổ chức tổng kết Đề án, đánh giá toàn diện kết quả, tác động, tính khả thi và hiệu quả thực hiện, làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc nhân rộng mô hình trên phạm vi toàn Thành phố.

3.3. Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp cơ sở, là yếu tố quyết định thành công của công tác xây dựng và triển khai thí điểm mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa". Lựa chọn, sắp xếp phù hợp; tập trung nâng cao năng lực quản trị, tư duy đổi mới, kỹ năng điều hành và khả năng làm việc liên ngành cho đội ngũ này.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực tiễn, gắn với các nội dung cụ thể, như: quản trị phục vụ, tổ chức lại không gian phát triển, phát triển kinh tế cơ sở, chuyển đổi số, kỹ năng tương tác và phục vụ Người dân. Xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ hài lòng và hạnh phúc của Người dân.

Phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân như một nguồn lực quan trọng trong quản trị địa phương; khuyến khích sự tham gia chủ động của người dân trong quá trình xây dựng, giám sát và đánh giá việc triển khai tổ chức thực hiện.

3.4. Bố trí nguồn lực

Bảo đảm nguồn lực là điều kiện để triển khai hiệu quả các nội dung mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa". Bố trí nguồn lực theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho địa bàn thí điểm và các nhiệm vụ then chốt như tổ chức lại không gian phát triển, nâng cấp hạ tầng, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Rà soát, đánh giá sơ bộ tổng nhu cầu nguồn lực, khả năng cân đối ngân sách các cấp, phương án huy động nguồn lực ngoài ngân sách và thứ tự ưu tiên triển khai đối với từng nhóm nhiệm vụ, nhất là hạ tầng thiết yếu, chuyển đổi số, môi

trường, y tế, giáo dục, an sinh xã hội và nâng cao năng lực quản trị cấp xã. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ riêng về ngân sách, nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hỗ trợ chuyên gia, hỗ trợ kỹ thuật và nền tảng dữ liệu dùng chung cho địa bàn thí điểm, bảo đảm các tiêu chí đặt ra có điều kiện thực hiện thực chất, khả thi.

Đa dạng hóa nguồn lực, kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn lực xã hội hóa, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức trong và ngoài nước. Xây dựng cơ chế tài chính linh hoạt, gắn phân bổ nguồn lực với kết quả đầu ra và hiệu quả thực hiện.

Tăng cường lồng ghép các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch đang triển khai trên địa bàn để tránh trùng lặp, phân tán nguồn lực, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

3.5. Ứng dụng công nghệ

Ứng dụng công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số, là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng dịch vụ ở cấp cơ sở. Tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu thống nhất, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ công tác điều hành và ra quyết định. Việc xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung phải gắn với cơ chế hỗ trợ kỹ thuật cho cấp xã, bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, sử dụng thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, đánh giá tiêu chí và công khai kết quả thực hiện.

Phát triển chính quyền số ở cấp xã/phường với dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Người dân, các công cụ giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu. Triển khai các giải pháp công nghệ trong quản lý đô thị, môi trường, an ninh, y tế, giáo dục, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ.

Đẩy mạnh “bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số bảo đảm mọi Người dân đều có thể tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, không tạo ra khoảng cách số trong cộng đồng.

3.6. Tăng cường truyền thông, tạo đồng thuận xã hội và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân

Truyền thông và tạo đồng thuận xã hội là yếu tố quan trọng bảo đảm việc thí điểm mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" được triển khai thuận lợi và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch truyền thông bài bản, thống nhất, giúp Người dân hiểu rõ mục tiêu, nội dung, lợi ích, tính ưu việt của mô hình.

Tăng cường công khai, minh bạch thông tin thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức cộng đồng trong tuyên truyền,

vận động và giám sát thực hiện. Khuyến khích người dân tham gia góp ý, phản biện và đồng hành cùng chính quyền trong quá trình triển khai.

Đồng thời, kịp thời ghi nhận, biểu dương các mô hình tốt, cách làm hay; xử lý các thông tin chưa chính xác, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, qua đó củng cố niềm tin và sự ủng hộ của xã hội đối với việc xây dựng và triển khai thí điểm mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa".

4. Tổ chức thực hiện Đề án

4.1. Những thuận lợi, khó khăn, thách thức khi thực hiện Đề án

*** Thuận lợi:**

Thứ nhất, Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục và đào tạo, y tế và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả từ các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước; sự nỗ lực, quyết tâm, khát vọng phát triển của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô; sự đồng hành của đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ, doanh nhân, đồng bào trong, ngoài nước và bạn bè quốc tế; kế thừa thành tựu đạt được trong quá trình xây dựng, phát triển Thủ đô nhiều nhiệm kỳ. Cấp ủy, chính quyền các cấp năng động, sáng tạo, đoàn kết, có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô Hà Nội và các nghị quyết của Trung ương đều được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, không phô trương, hình thức. Tích cực cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án chậm tiến độ, thu hút mọi nguồn lực để phát triển. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tăng cường.

Thứ ba, Hà Nội luôn chủ động đi đầu, tích cực thực hiện các Nghị quyết của Đảng, nhiều chủ trương của Trung ương đã được triển khai quyết liệt, nhận thức của toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của Thủ đô đối với đất nước được nâng lên rõ rệt; sẵn sàng nhận, chủ động thí điểm các mô hình, thể chế, chính sách phát triển mới.

*** Khó khăn, thách thức:**

Bên cạnh những thuận lợi, Hà Nội vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, hạn chế mang tính căn cơ, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai Đề án trên toàn Thành phố theo tiêu chí được xây dựng:

Một là, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thủ đô chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tiềm năng và lợi thế; năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng còn thấp. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị chưa theo kịp yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế. Việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Quá trình phát triển đô thị còn nhiều hạn chế, như: ùn tắc giao thông, trật tự đô thị, ngập úng, ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm... Việc khai thác và phát triển các không gian mới (không gian ngầm, không gian tầng thấp, không gian tầng cao) mới ở giai đoạn bước đầu. Các giá trị văn hóa chưa thực sự trở thành nền tảng và động lực nội sinh cho phát triển; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chưa khai thác hiệu quả. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển kinh tế mà còn tác động trực tiếp đến chất lượng sống và cảm nhận hạnh phúc của người dân.

Hai là, đặc biệt, việc triển khai Đề án thí điểm xây dựng mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa là một nội dung hoàn toàn mới, có tính chất thí điểm, chưa có tiền lệ trong thực tiễn, chưa có khuôn khổ pháp lý và cơ chế vận hành hoàn chỉnh. Nhiều nội dung mang tính tích hợp, liên ngành như tổ chức lại không gian phát triển, tái cấu trúc kinh tế cơ sở, đo lường chất lượng sống và hạnh phúc của Người dân, hay thiết lập mô hình quản trị mới ở cấp cơ sở chưa có hướng dẫn cụ thể, đòi hỏi phải vừa làm vừa hoàn thiện. Điều này đặt ra yêu cầu cao về năng lực điều phối, tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện, cũng như cơ chế cho phép thí điểm có kiểm soát, chấp nhận thử nghiệm và điều chỉnh chính sách kịp thời.

Ba là, trước mắt, trên địa bàn tập trung thí điểm xây dựng mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa có thể xảy ra vấn đề gia tăng dân số cơ học nhanh chóng có thể dẫn đến hạ tầng quá tải, không theo kịp nhu cầu. Bài toán gắn kết cộng đồng, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa người dân địa phương và người dân nhập cư. Việc giữ gìn bản sắc, văn hóa đặc trưng đồng bằng Bắc Bộ trong quá trình đô thị hoá, xây dựng "làng trong phố, phố trong làng". Áp lực duy trì nguồn lực tài chính, đảm bảo tính bền vững môi trường; phát sinh dự án chậm tiến độ và ngăn ngừa nguy cơ "phát triển nóng" thiếu kiểm soát; mang tính khẩu hiệu, hình thức, không tạo được chuyển biến thực chất. Cán bộ, công chức, viên chức ở một số địa phương chưa thích ứng kịp yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó, bối cảnh trong nước và quốc tế cũng là yếu tố tác động tích cực và tiêu cực

đến quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Dân số nhập cư gây sức ép lên hệ thống an sinh xã hội, giáo dục và y tế; áp lực cạnh tranh thu hút vốn FDI từ các trung tâm kinh tế lớn khác trong nước và khu vực; thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, đe dọa sự phát triển bền vững, nhất là khu vực nông nghiệp còn khoảng 50% dân số và 10% lực lượng lao động.

Những khó khăn, thách thức nêu trên vừa là rào cản, vừa là động lực để Đề án được xây dựng và triển khai theo hướng đổi mới mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, qua đó tạo ra mô hình phát triển mới ở cấp cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và khẳng định vai trò tiên phong của Hà Nội trong quá trình phát triển đất nước.

4.2. Các nguồn lực để thực hiện Đề án

Ngân sách nhà nước: giữ vai trò chủ đạo, tập trung cho các nhiệm vụ nền tảng, như: điều chỉnh quy hoạch, tổ chức lại không gian phát triển, nâng cấp hạ tầng thiết yếu, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và bảo đảm an sinh xã hội; ưu tiên bố trí có trọng tâm cho địa bàn thí điểm, gắn phân bổ nguồn lực với kết quả đầu ra và mức độ cải thiện chất lượng sống của người dân.

Huy động nguồn lực xã hội hóa và hợp tác công – tư (PPP): thu hút doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng tham gia đầu tư, cung ứng dịch vụ và khai thác các không gian kinh tế – xã hội tại địa bàn (hạ tầng, dịch vụ công, môi trường, văn hóa, chuyển đổi số...); áp dụng cơ chế chia sẻ lợi ích, rủi ro rõ ràng, công khai, minh bạch, tạo điều kiện để khu vực tư nhân tham gia sâu vào quá trình phát triển xã/phường.

Lồng ghép, tích hợp nguồn lực: kết hợp nguồn lực triển khai Luật Thủ đô năm 2026 và các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn (đầu tư công; chương trình mục tiêu; khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cải cách hành chính; an sinh xã hội...) vào một kế hoạch thống nhất, tránh trùng lặp, phân tán, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và nguồn lực.

Huy động nguồn lực cộng đồng: phát huy vai trò của người dân, các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng trong đóng góp công sức, ý tưởng, giám sát và tham gia trực tiếp vào các hoạt động phát triển, nhất là trong xây dựng môi trường sống, văn hóa cộng đồng và an sinh tại địa phương.

4.3. Kế hoạch, tiến độ thực hiện Đề án

*** Năm 2026**

- Từ tháng 7/2026:

+ Sở ban ngành; UBND các xã, phường xây dựng, tổ chức triển khai các đề án/dự án/chương trình/kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án.

+ Bố trí nguồn lực và cơ chế hỗ trợ phù hợp để đảm bảo triển khai hiệu quả Đề án.

*** Năm 2027 - 2030**

- Tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trên địa bàn xã/phường thí điểm.
- Kiểm tra, giám sát; điều chỉnh kịp thời các bất cập; hoàn thiện các tiêu chí xã/phường xã hội chủ nghĩa.

- 124 xã/phường (*ngoài 02 xã được lựa chọn thí điểm*) áp dụng các tiêu chí phù hợp để triển khai ngay trên địa bàn.

- Năm 2030 sơ kết và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá.

*** Giai đoạn 2031 – 2035:** tiếp tục thực hiện và tổng kết Đề án vào năm 2035.

4.4. Cơ chế vận hành Đề án

Cơ chế vận hành của mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa được thiết kế theo hướng thống nhất, linh hoạt, minh bạch và có sự tham gia thực chất của Người dân, bảo đảm triển khai hiệu quả trong điều kiện thí điểm.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Thành ủy Hà Nội, đồng thời phát huy vai trò của cấp ủy và chính quyền xã/phường trong tổ chức thực hiện. Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố giữ vai trò định hướng chiến lược, ban hành chủ trương, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai; cấp ủy xã/phường là hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ ở cơ sở; chính quyền xã/phường giữ vai trò trung tâm trong điều hành, tổ chức thực hiện, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình trong quản trị.

Cơ chế vận hành đặt trọng tâm vào phối hợp liên ngành, liên cấp, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và các lĩnh vực trong quá trình triển khai. Các nhiệm vụ được phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp cụ thể, tránh chồng chéo, bảo đảm thông suốt trong chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc.

Đề án đồng thời thiết lập cơ chế để người dân tham gia thực chất vào quá trình quản trị, từ tham vấn, góp ý đến giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Các hình thức tham gia được đa dạng hóa, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, qua đó phát huy vai trò chủ thể của người dân, củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Về nguồn lực, áp dụng cơ chế tài chính linh hoạt, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý các nguồn lực xã hội hóa, bảo đảm sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch và gắn với kết quả đầu ra, đặc biệt là mức độ cải thiện chất lượng sống của người dân.

Toàn bộ quá trình triển khai được thực hiện theo nguyên tắc thí điểm có kiểm soát, có lộ trình cụ thể, cơ chế theo dõi, giám sát và đánh giá định kỳ. Trên

cơ sở kết quả thực tiễn, kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện mô hình, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tạo cơ sở vững chắc cho việc nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

4.5. Phân công trách nhiệm

- Các sở, ban, ngành Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và danh mục các dự án, chương trình tại Phụ lục 2, chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung cụ thể của Đề án; cung cấp thông tin, kết quả đánh giá các chỉ tiêu trong lĩnh vực quản lý theo tiêu chí xây dựng "xã, phường xã hội chủ nghĩa" được phân công báo cáo tại Phụ lục 1 của Đề án, trong đó:

+ Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì nhiệm vụ quy hoạch và tổ chức lại không gian xã/phường.

+ Sở Nội vụ chủ trì xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, chính quyền cơ sở phục vụ; phát triển thị trường lao động và sinh kế.

+ Sở Tư pháp chủ trì xây dựng mô hình văn hoá tuân thủ pháp luật trong xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa ở Thủ đô Hà Nội.

+ Sở Xây dựng chủ trì phát triển hạ tầng kỹ thuật, nhà ở, không gian công cộng và điều kiện sống.

+ Sở Tài chính chủ trì bố trí nguồn lực và cơ chế tài chính thực hiện Đề án.

+ Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thường xuyên rà soát, lồng ghép xây dựng, cập nhật, bổ sung nền tảng dữ liệu phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phổ cập kỹ năng số, phát triển xã hội số và công dân số trong các nhiệm vụ liên quan đã và đang giao chủ trì triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Luật Thủ đô năm 2026. Đảm bảo việc triển khai xây dựng đồng bộ nền tảng dữ liệu phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phổ cập kỹ năng số, phát triển xã hội số và công dân số trên địa bàn 126 xã, phường.

+ Sở Công Thương chủ trì tổ chức lại kinh tế theo chuỗi giá trị, phát triển liên kết sản xuất - kinh doanh.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phát triển môi trường sống xanh, kinh tế tuần hoàn.

+ Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, phát triển con người và cộng đồng.

+ Sở Y tế chủ trì phát triển y tế cơ sở, thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe người dân tại địa bàn, lấy dự phòng làm chính, bảo đảm tiếp cận công bằng dịch vụ y tế.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phát triển giáo dục toàn diện, bảo đảm tiếp cận công bằng các dịch vụ giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần phát triển con người trên địa bàn.

+ Công an Thành phố chủ trì bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và an ninh mạng.

+ Bộ Tư lệnh Thủ đô chủ trì xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân tại cơ sở; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu, xử lý mọi tình huống; hoàn thành chỉ tiêu động viên, tuyển quân; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; xây dựng hệ thống phòng thủ; tổ chức diễn tập tác chiến trong khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự...

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì bảo đảm quyền bình đẳng, đoàn kết dân tộc, tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội chủ trì nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện Đề án; xây dựng bộ tiêu chí chỉ số hạnh phúc và tổ chức đánh giá hằng năm; xây dựng bộ tiêu chí chỉ số hài lòng của Người dân và tổ chức, năng lực cạnh tranh của địa phương đánh giá khi triển khai sơ kết, tổng kết Đề án; theo dõi, đánh giá và tổng kết mô hình.

+ Chi Cục Thống kê Hà Nội cung cấp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo tiêu chí xây dựng "xã, phường xã hội chủ nghĩa" tại Phụ lục 1 của Đề án.

- UBND 02 xã Phúc Thịnh và Thụ Lâm xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức tham vấn Nhân dân, triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trên địa bàn; nâng cao năng lực quản trị dựa trên dữ liệu, hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực; định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

- UBND 124 xã/phường (*ngoài 02 xã được lựa chọn thí điểm*) căn cứ Bộ tiêu chí và hướng dẫn của Thành phố chủ động rà soát, xác định nội dung phù hợp để triển khai tại địa phương; bảo đảm thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn, tránh áp dụng cơ học, hình thức.

- Văn phòng UBND Thành phố chịu trách nhiệm tham mưu UBND Thành phố công tác chỉ đạo xây dựng và triển khai các chương trình, dự án theo Đề án; phân công rõ cơ quan chủ trì từng nhiệm vụ; điều phối liên ngành; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời phát hiện, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp trong quá trình triển khai Đề án.

4.6. Cơ chế phối hợp

Việc triển khai Đề án được thực hiện theo cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ sản phẩm đầu ra.

Ban Chỉ đạo của Thành phố chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung; các sở, ngành được giao chủ trì phải xây dựng kế hoạch chuyên đề/dự án, phối hợp chặt chẽ với địa phương thí điểm và các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện.

Đối với các nội dung liên ngành như: tổ chức lại không gian phát triển, chất lượng sống, chuyển đổi số, môi trường và cộng đồng dân cư, việc phối hợp phải bảo đảm đồng bộ, không cắt khúc theo ngành dọc.

Tổ chức theo đầu mối điều phối chung, cơ quan chủ trì từng nội dung và kế hoạch cụ thể cho từng mô hình.

4.7. Giám sát, đánh giá

Công tác giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan, đa chiều, gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu và bộ tiêu chí của Đề án.

Nội dung giám sát, đánh giá tập trung vào tiến độ thực hiện, hiệu quả phối hợp, việc sử dụng nguồn lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, địa phương và nhất là mức độ cải thiện chất lượng sống, sự hài lòng của người dân tại địa bàn thí điểm.

Kết quả giám sát, đánh giá là căn cứ để điều chỉnh cơ chế, chính sách, hoàn thiện mô hình và nghiên cứu, xem xét nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

5. Tác động và hiệu quả dự kiến của Đề án

5.1. Tác động của Đề án

Việc triển khai Đề án tác động trực tiếp đến phương thức phát triển và quản trị ở cấp cơ sở, theo hướng chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị phục vụ, lấy người dân làm trung tâm, lấy chất lượng sống và hạnh phúc của người dân làm thước đo. Thông qua việc tổ chức lại không gian phát triển, tái cấu trúc kinh tế cơ sở, nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội, xây dựng môi trường văn hóa, cải thiện môi trường sống và đẩy mạnh chuyển đổi số, Đề án góp phần hình thành mô hình phát triển tích hợp, đồng bộ hơn ở cấp xã/phường.

Đề án đồng thời tạo chuyển biến trong vận hành hệ thống chính trị cơ sở và tổ chức cộng đồng; tăng cường sự tham gia thực chất của người dân; củng cố tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể. Việc thí điểm mô hình cũng tạo cơ sở thực tiễn để kiểm chứng các tiêu chí, chỉ số và cơ chế vận hành của xã/phường hội chủ nghĩa, làm nền tảng cho việc hoàn thiện và nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

5.2. Hiệu quả dự kiến của Đề án

Đề án dự kiến mang lại hiệu quả rõ nét trên mọi lĩnh vực. Về kinh tế, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng không gian, đất đai và hạ tầng; thúc đẩy liên kết kinh tế cơ sở, tạo việc làm, cải thiện thu nhập và phát triển các động lực tăng

trường mới gắn với phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. *Về xã hội*, góp phần mở rộng bao phủ dịch vụ thiết yếu, chăm lo tốt hơn các nhóm yếu thế, tăng cường gắn kết cộng đồng và nâng cao mức độ hài lòng của người dân. *Về văn hóa và môi trường*, góp phần xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, giữ gìn bản sắc địa phương, xây dựng và phát triển “làng trong phố, phố trong làng”, phát huy giá trị di sản, cải thiện môi trường sống xanh, thông minh, thúc đẩy lối sống xanh và phát triển bền vững. *Về quản trị*, góp phần hình thành chính quyền cơ sở phục vụ, minh bạch, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. *Về quốc phòng, an ninh*, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo hướng tích hợp gắn với quản trị dân cư, không gian phát triển và hoạt động cộng đồng, hình thành thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc từ cơ sở.

Đề án tạo ra mô hình thí điểm có thể đo lường, đánh giá và kiểm chứng trong thực tiễn, qua đó cung cấp cơ sở để đánh giá sơ kết, tổng kết, hoàn thiện cơ chế, chính sách và từng bước kịp thời nhân rộng mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa trên toàn Thành phố, hướng tới xây dựng Thủ đô Hà Nội xã hội chủ nghĩa.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề án hướng tới xây dựng mô hình phát triển mới ở cấp cơ sở, trong đó mọi hoạt động quản trị và phát triển đều lấy con người làm trung tâm, hướng tới nâng cao toàn diện chất lượng sống và hạnh phúc của người dân. Thông qua việc tổ chức lại không gian phát triển, đổi mới phương thức quản trị, phát huy vai trò chủ thể của người dân và ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa không chỉ tạo ra những chuyển biến thực chất trong đời sống kinh tế – xã hội mà còn góp phần xây dựng cộng đồng văn minh, gắn kết, an toàn và bền vững.

Đồng thời, Đề án thể hiện rõ bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ngay tại cấp gần dân nhất, nơi mọi chính sách được cụ thể hóa thành những giá trị thiết thực trong đời sống hằng ngày của người dân. Trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị văn hiến, thanh lịch, nhân văn, mô hình được xây dựng góp phần khẳng định bản sắc riêng của Thủ đô, lan tỏa các giá trị tiên bộ, hiện đại và giàu tính nhân văn.

Với cách tiếp cận thí điểm có trọng tâm, thiết kế rõ ràng, đo lường được và có khả năng nhân rộng, Đề án không chỉ giải quyết các vấn đề trước mắt mà còn tạo nền tảng cho việc hoàn thiện mô hình phát triển ở cấp cơ sở trong giai đoạn tiếp theo. Thành công của Đề án là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục hoàn thiện thể chế, đổi mới quản trị và nhân rộng mô hình trên phạm vi toàn Thành

phổ, hướng tới xây dựng Thủ đô Hà Nội xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và toàn diện của Thủ đô trong thời kỳ mới.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở nội dung Đề án, UBND thành phố Hà Nội đề xuất, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền quan tâm xem xét, chỉ đạo một số nội dung sau:

(1) Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư

Cho phép thành phố Hà Nội được thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để triển khai mô hình “xã/phường xã hội chủ nghĩa” đối với các nội dung mới, chưa có tiền lệ như tổ chức lại không gian phát triển, mô hình quản trị phục vụ, cơ chế tham gia thực chất của người dân, đo lường chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân.

(2) Đối với Quốc hội

Quan tâm chỉ đạo công tác hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến phân cấp, phân quyền, quản lý đất đai, tài sản công, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số,... tạo điều kiện để Thành phố chủ động triển khai các nội dung thí điểm.

(3) Đối với Chính phủ

Hỗ trợ Thành phố trong việc huy động, lồng ghép và tiếp cận các nguồn lực trong nước và quốc tế phục vụ đầu tư hạ tầng, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân.

(4) Đối với các ban Đảng Trung ương

Kịp thời cho ý kiến định hướng hoàn thiện đối với hệ thống tiêu chí của “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” của Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên phát triển mới; các vấn đề lớn, các nội dung mới, khó phát sinh trong quá trình thí điểm.

(5) Đối với Thành ủy Hà Nội

- Chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết; bảo đảm thống nhất trong nhận thức, quyết tâm trong hành động, rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết ở các tổ chức đang trực thuộc, các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị của Thành phố; tổ chức sơ kết đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết vào năm 2030 và tổ chức tổng kết vào năm 2035.

(6) Đối với HĐND Thành phố

- Chỉ đạo xem xét, quyết định các cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực thuộc thẩm quyền để triển khai Nghị quyết và Đề án; bảo đảm đúng mục tiêu, đúng quy định, công khai, minh bạch, hiệu quả.

- Chỉ đạo tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, việc ban hành cơ chế, chính sách, phân bổ và sử dụng nguồn lực, kết quả triển khai tại địa bàn thí điểm và việc áp dụng tiêu chí tại các xã, phường còn lại của Thành phố.

(7) Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia xây dựng, triển khai thí điểm mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa”.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý, theo dõi, đánh giá việc triển khai Nghị quyết và Đề án; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân với cấp ủy, chính quyền; góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

PHỤ LỤC 1

BỘ TIÊU CHÍ ĐỊNH LƯỢNG XÃ/PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Mục đích và nguyên tắc xây dựng bộ tiêu chí

Bộ tiêu chí được xây dựng nhằm cụ thể hóa các nội dung của mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa thành các chỉ số có thể đo lường, đánh giá và kiểm chứng trong thực tiễn; làm cơ sở theo dõi, giám sát, so sánh và tổng kết kết quả thực hiện Đề án trong quá trình thí điểm.

Việc xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với 08 nội dung xây dựng xã/phường xã hội chủ nghĩa, phản ánh toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng - an ninh, quản trị, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;
- Bảo đảm tính định lượng, rõ ràng, dễ đo lường, có thể áp dụng thống nhất, thuận lợi trong theo dõi, đánh giá định kỳ;
- Gắn với kết quả đầu ra và chất lượng thực tế, trong đó chất lượng sống và mức độ hài lòng của người dân là thước đo tổng hợp, quan trọng;
- Phục vụ mục tiêu thí điểm, kiểm nghiệm và hoàn thiện mô hình, nhằm đánh giá mức độ đạt được các tiêu chí trong quá trình triển khai; không mang tính phân loại địa bàn về bản chất chính trị;
- Bảo đảm tính mở và khả năng điều chỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và kết quả sơ kết, tổng kết trong quá trình thực hiện Đề án.

II. Nguyên tắc chấm điểm và đánh giá

- Tổng điểm tối đa: 100 điểm;
- Bộ tiêu chí gồm 08 nhóm tiêu chí, tương ứng với 08 nội dung xây dựng xã/phường xã hội chủ nghĩa;
- Mỗi tiêu chí có:
 - + Ngưỡng đạt (mức tối thiểu);
 - + Mức tối đa (điểm tuyệt đối);
- Kết quả đánh giá được sử dụng để xác định mức độ đạt tiêu chí của mô hình tại địa bàn thí điểm, cụ thể:
 - ≥ 90 điểm: Đạt mức cao;
 - 70 – 89 điểm: Đạt yêu cầu;
 - < 70 điểm: Cần tiếp tục hoàn thiện.
- Kết quả đánh giá là căn cứ để:
 - + Theo dõi tiến độ thực hiện Đề án;

- + So sánh giữa các giai đoạn và địa bàn;
- + Sơ kết, tổng kết, hoàn thiện và nhân rộng mô hình.

III. Cấu trúc và thang đo

- Tổng số: 54 tiêu chí đánh giá.
- Thang điểm: 100 điểm.

1. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, quản trị phục vụ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân (15 điểm): 7 tiêu chí.

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Chất lượng tổ chức cơ sở Đảng.	Hoàn thành xuất sắc	3	Xã, phường
Năng lực cạnh tranh của địa phương.	Chỉ số đạt ≥ 90	2	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội
Tỷ lệ kiến nghị của Người dân được giải quyết từ cơ sở.	$\geq 95\%$: tối đa; $< 80\%$: 0	2	Xã, phường
Mô hình thôn/tổ dân phố tự quản thông minh, xanh, an toàn, trợ giúp pháp lý cho Người dân....	≥ 3 mô hình	2	Xã, phường
Tỷ lệ người dân tham gia góp ý chính sách.	$\geq 90\%$ hộ	2	Xã, phường
Tỷ lệ TTHC giải quyết đúng hạn.	$\geq 98\%$: tối đa; $< 90\%$: 0	2	Xã, phường
Minh bạch (công khai dữ liệu, ngân sách...).	Đạt/không đạt + mức độ	2	Xã, phường

2. Phát triển hạ tầng hiện đại, đồng bộ và không gian sống thông minh (10 điểm): 5 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch.	$\geq 90\%$ đạt tối đa; không đạt: 0	2	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
Mức độ kết nối hiệu quả hệ thống giao thông thông minh, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.	Tốt: 2; trung bình: 1; kém: 0	2	Sở Xây dựng

Tỷ lệ công trình hạ tầng thiết yếu đạt chuẩn.	$\geq 95\%$: tối đa; không đạt: 0	2	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
Mức độ định hướng bố trí không gian sản xuất, thương mại, dịch vụ, kinh tế tập thể, đô thị/nông thôn phù hợp.	Hiệu quả: 1; chưa hiệu quả: 0	2	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đi lại của Người dân.	40%	2	Sở Xây dựng

3. Phát triển kinh tế trên địa bàn xã/phường gắn với lực lượng sản xuất hiện đại, xanh, số hóa, tuần hoàn (20 điểm): 7 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn.	$\geq 15\%$ /năm	4	Chi Cục Thống kê Hà Nội
Tốc độ tăng năng suất lao động.	$\geq$ trung bình của Thành phố	3	Chi Cục Thống kê Hà Nội
Thu nhập bình quân trên đầu người.	$\geq 1,5$ lần trung bình Thành phố: tối đa	3	Chi Cục Thống kê Hà Nội
Tỷ lệ lao động có việc làm có giao kết hợp đồng và bảo hiểm xã hội.	$\geq$ mức trung bình của Thành phố	2	Chi Cục Thống kê Hà Nội
Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo.	80%	2	Chi Cục Thống kê Hà Nội
Tỷ trọng công nghiệp văn hóa.	$\geq 9-10\%$: tối đa	3	Sở Văn hoá và Thể thao
Số lượng các khu vực, không gian có tiềm năng phát triển kinh tế mới (xanh, tuần hoàn, chia sẻ, dữ liệu, số...) kết hợp phát triển kinh tế tập thể.	≥ 3 khu vực, không gian hiệu quả	3	Xã, phường

4. Bảo đảm an sinh xã hội, công bằng và phát triển bao trùm (10 điểm):
8 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế.	100%: tối đa	1	Bảo hiểm xã hội KV1
Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều.	Không còn hộ nghèo	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường
Tỷ lệ tiếp cận dịch vụ cơ bản (<i>việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin</i>).	$\geq 95\%$ dân số	2	Xã, phường
Hỗ trợ nhóm yếu thế.	Bao phủ đầy đủ	2	Sở Nội vụ
Trường MN, PT công lập đạt chuẩn quốc gia.	100%: tối đa	1	Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí thể lực % tầm vóc học sinh Hà Nội.	Trên 90%	1	Sở Giáo dục và Đào tạo
Xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	100%: tối đa	1	Sở Y tế
Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử và được khám sức khỏe định kỳ; khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần.	100%: tối đa	1	Sở Y tế

5. Phát triển văn hóa, con người Hà Nội thanh lịch, văn minh (10 điểm):
5 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh.	79	2	Sở Y tế
<i>Tr. đó, số năm sống khỏe.</i>	<i>Tối thiểu 70 năm</i>		
Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động văn hóa.	$\geq 90\%$ dân số	2	Sở Văn hóa và Thể thao
Tỷ lệ gia đình văn hóa.	$\geq 95\%$	2	Sở Văn hóa và Thể thao

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Chỉ số phát triển con người (HDI).	$\geq$ trung bình của Hà Nội	2	Chi Cục Thống kê Hà Nội
Bảo tồn di sản, làng nghề, bản sắc địa phương.	Đạt/Không đạt	2	Xã, phường

6. Xây dựng môi trường sống xanh, an toàn và bền vững (10 điểm):
8 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Chất lượng không khí/nước.	$\geq$ Đạt chuẩn	2	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng
Diện tích không gian xanh.	$\geq$ tiêu chuẩn đô thị/nông thôn	2	Sở Xây dựng
Kiểm soát ngập, ô nhiễm.	Không phát sinh điểm nóng	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng
Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.	100%	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường
Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý.	100%	1	Sở Y tế
Tỷ lệ CTR sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý theo TC, QC.	90%	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường
Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đô thị/nông thôn/làng nghề.	70% (theo lộ trình)	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường
Xây dựng mô hình “Làng trong phố - Phố trong làng” đảm bảo	$\geq$ 2 mô hình hiệu quả	1	Xã, phường

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
hài hòa yếu tố truyền thống và hiện đại, thông minh.			

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội và mở rộng đối ngoại nhân dân (10 điểm): 6 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Giảm tội phạm.	Giảm $\geq 5\%$ /năm	2	Công an Thành phố
Tỷ lệ xử lý tin báo.	$\geq 95\%$	2	Công an Thành phố
Điểm nóng.	Không có	2	Công an Thành phố
An ninh mạng, dữ liệu.	Đạt chuẩn	2	Công an Thành phố
Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.	Hiệu quả	1	Công an Thành phố
Hoạt động đối ngoại nhân dân.	Có hoạt động giao lưu, kết nối cộng đồng, quảng bá địa phương	1	UBMTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội

8. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (10 điểm): 6 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Tích hợp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết hiệu quả các điểm nghẽn trên địa bàn.	Có mô hình/ hoạt động ĐMST, ứng dụng KHCN hiệu quả: tối đa	3	Sở Khoa học và Công nghệ
Dịch vụ công trực tuyến.	100% đủ điều kiện	2	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Dữ liệu số hóa (dân cư – đất đai – doanh nghiệp... liên thông).	“Đúng-Đủ-Sạch-Sống-Thống nhất-Dùng chung”	2	Sở Khoa học và Công nghệ
Tỷ lệ người dân có kỹ năng số.	$\geq 80-90\%$	1	Sở Khoa học và Công nghệ
Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh sử dụng kỹ thuật số.	$\geq 90\%$	1	Sở Khoa học và Công nghệ
Hạ tầng số (wifi, nền tảng...).	Bao phủ 100%	1	Sở Khoa học và Công nghệ

9. Chỉ số tổng hợp (5 điểm): 2 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Thang đo (Điểm)	Đơn vị báo cáo
Chỉ số hạnh phúc.	9,5/10	3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội
Mức độ hài lòng chung.	$\geq 95\%$	2	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC 18 NỘI DUNG TRIỂN KHAI

STT	Tên dự án/kế hoạch/ văn bản triển khai	Cơ quan chủ trì	Chỉ tiêu/ sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
1.	Quy hoạch và tổ chức lại không gian xã/phường.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Phương án tổ chức lại không gian phát triển; định hướng phân khu chức năng.	2026
2.	Xây dựng mô hình tổ chức đảng cơ sở tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với lãnh đạo phát triển toàn diện và phục vụ Nhân dân.	Mời: Ban Tổ chức Thành ủy	Mô hình tổ chức đảng cơ sở tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phương thức lãnh đạo phù hợp với mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa.	2026
3.	Xây dựng cơ chế tuyên truyền, dân vận, tạo đồng thuận xã hội trong xây dựng xã/phường xã hội chủ nghĩa.	Mời: Ban Tuyên giáo – Dân vận Thành ủy	Cơ chế và mô hình tuyên truyền, dân vận; hệ thống truyền thông và đối thoại xã hội tạo đồng thuận trong Nhân dân.	2026
4.	Xây dựng chính quyền xã/phường phục vụ, minh bạch, gần dân.	Sở Nội vụ	Mô hình chính quyền phục vụ, minh bạch; quy trình quản trị và cơ chế giải trình.	2026
5.	Xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật trong xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tư pháp	Mô hình văn hoá tuân thủ pháp luật trong xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa, trong đó có trợ giúp pháp lý cho Người dân.	2026
6.	Xây dựng khu dân cư đoàn kết, tự quản, đồng thuận xã hội.	Mời: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội	Mô hình cộng đồng dân cư tự quản, trợ giúp pháp lý; cơ chế phát huy sự tham gia của Người dân.	2026
7.	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và không gian	Sở Xây dựng	Phương án nâng cấp hạ tầng và không gian	2026

	công cộng; Phát triển nhà ở xã hội.		công cộng thiết yếu; nhà ở xã hội phù hợp.	
8.	Tổ chức lại kinh tế theo chuỗi giá trị.	Sở Công Thương	Mô hình liên kết kinh tế gắn với phát triển kinh tế tập thể; giải pháp nâng cao thu nhập và sinh kế.	2026
9.	Tổ chức lại thị trường lao động và phát triển sinh kế bền vững tại xã/phường.	Sở Nội vụ	Mô hình tổ chức thị trường lao động, kết nối việc làm và phát triển sinh kế bền vững cho người dân.	2026
10.	Phát triển y tế cơ sở, thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe người dân tại địa bàn, lấy dự phòng làm chính, bảo đảm tiếp cận công bằng dịch vụ y tế.	Sở Y tế	Mô hình quản lý, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và y tế dự phòng.	2026
11.	Phát triển giáo dục toàn diện, bảo đảm tiếp cận công bằng các dịch vụ giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần phát triển con người trên địa bàn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mô hình giáo dục phát triển toàn diện và công bằng ở cấp cơ sở.	2026
12.	Xây dựng mô hình môi trường văn hóa cơ sở gắn với bảo tồn, phát huy di sản và phát triển công nghiệp văn hóa.	Sở Văn hóa - Thể thao	Mô hình môi trường văn hóa cơ sở gắn với bảo tồn, phát huy di sản và phát triển hoạt động văn hóa - sáng tạo tại địa bàn.	2026
13.	Phát triển môi trường sống xanh, kinh tế tuần hoàn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mô hình môi trường sống xanh và kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển kinh tế tập thể tại địa bàn.	2026
14.	Xây dựng xã/phường an toàn, an ninh.	Công an Thành phố	Mô hình bảo đảm an ninh, an toàn.	2026

15.	Xây dựng mô hình quốc phòng toàn dân gắn với quản lý địa bàn và cộng đồng dân cư tại xã/phường.	Bộ Tư lệnh Thủ đô	Mô hình quốc phòng toàn dân gắn với quản lý địa bàn và cộng đồng dân cư tại xã/phường.	2026
16.	Xây dựng công cụ đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tự do tôn giáo; xây dựng đoàn kết dân tộc, hoà hợp tôn giáo... đảm bảo hạnh phúc người dân	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Mô hình đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tự do tôn giáo; xây dựng đoàn kết dân tộc, hoà hợp tôn giáo... đảm bảo hạnh phúc người dân	2026
17.	Xây dựng bộ tiêu chí chỉ số hạnh phúc của người dân	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	Bộ tiêu chí chỉ số hạnh phúc của người dân	2026
18.	Phương án bố trí, phân bổ, huy động nguồn lực tài chính và cơ chế tài chính xây dựng “xã/phường xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Tài chính	Phương án nguồn lực tài chính và cơ chế tài chính xây dựng “xã/phường xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có cơ chế để lại nguồn thu, tăng tính chủ động, tự chủ và khả năng huy động nguồn lực cho địa bàn thí điểm	2026

PHỤ LỤC 3

CĂN CỨ VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN XÃ/ PHƯỜNG THÍ ĐIỂM

1. Căn cứ lựa chọn

Việc lựa chọn xã/phường thí điểm được thực hiện trên cơ sở:

- Định hướng xây dựng mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa gắn với yêu cầu đổi mới quản trị, nâng cao chất lượng sống của người dân, phát triển hài hòa kinh tế - xã hội - văn hóa - môi trường.
- Yêu cầu thí điểm phải có tính đại diện, có khả năng triển khai ngay và có thể nhân rộng, phản ánh được đặc trưng của khu vực đô thị và nông thôn trên địa bàn Thành phố.
- Điều kiện thực tiễn của từng địa bàn về không gian phát triển, hạ tầng, cơ cấu kinh tế - xã hội, chất lượng đội ngũ cán bộ và mức độ sẵn sàng đổi mới.
- Khả năng huy động nguồn lực, sự đồng thuận của hệ thống chính trị và người dân; mức độ phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Thành phố.

2. Nguyên tắc lựa chọn

- Bảo đảm cân đối giữa tính đại diện và tính khả thi; không lựa chọn địa bàn quá đặc thù hoặc quá khó khăn để triển khai.
- Ưu tiên địa bàn có điều kiện triển khai đồng bộ các nội dung của Đề án, đặc biệt là khả năng tổ chức lại không gian phát triển.
- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền địa phương, có cam kết chính trị cao trong tổ chức thực hiện.
- Lựa chọn thí điểm địa bàn có điều kiện tổ chức không gian phát triển, còn nhiều dư địa phát triển; có vị trí tương đối độc lập, thuận lợi kết nối với các trục giao thông chính, hành lang xanh, hệ thống sông hồ và các không gian chức năng liên quan để bảo đảm tính khả thi và khả năng nhân rộng mô hình.

3. Tiêu chí lựa chọn

(1) Vị trí và tính đại diện

- Đại diện cho loại hình địa bàn ngoại thành, nông thôn, có yếu tố phát triển đô thị.
- Có đặc điểm điển hình về phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa hoặc chuyển đổi cơ cấu theo hướng đô thị hóa nhanh theo hướng xanh – thông minh - bền vững.

- Quy mô dân số, không gian phát triển phù hợp để triển khai mô hình.

(2) Điều kiện về không gian và hạ tầng

- Có quy hoạch hoặc có khả năng điều chỉnh quy hoạch để tổ chức lại không gian phát triển.
- Có quỹ đất, không gian công cộng và điều kiện hạ tầng cơ bản (giao thông, y tế, giáo dục...).
- Không bị ràng buộc lớn về pháp lý, quy hoạch làm cản trở triển khai.

(3) Năng lực hệ thống chính trị và quản trị

- Cấp ủy, chính quyền đoàn kết, có năng lực lãnh đạo, điều hành.
- Đội ngũ cán bộ có trình độ, tinh thần trách nhiệm và sẵn sàng đổi mới.
- Có kinh nghiệm triển khai các mô hình cải cách, đổi mới ở cơ sở.
- Có cơ chế phối hợp hiệu quả trong hệ thống chính trị.

(4) Điều kiện kinh tế - xã hội

- Có nền tảng kinh tế ổn định, có tiềm năng phát triển.
- Có khả năng tổ chức lại hoạt động kinh tế theo hướng liên kết, nâng cao giá trị.
- Thu nhập và việc làm của người dân ở mức bảo đảm, có dư địa cải thiện.

(5) Điều kiện xã hội và cộng đồng

- Người dân có mức độ đồng thuận cao, sẵn sàng tham gia.
- Có truyền thống cộng đồng, khả năng tự quản.
- Không có hoặc không còn các vấn đề xã hội phức tạp, kéo dài.

(6) Mức độ sẵn sàng về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

- Có hạ tầng số cơ bản và khả năng triển khai các nền tảng số.
- Chính quyền và người dân có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ.
- Có điều kiện triển khai các mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.

(7) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội

- Tình hình an ninh, trật tự ổn định.
- Không có “điểm nóng” phức tạp.
- Có hệ thống quản lý, phòng ngừa hiệu quả từ cơ sở.

(8) Tiêu chí mang tính quyết định (định tính)

Bên cạnh các tiêu chí nêu trên, việc lựa chọn địa bàn thí điểm cần đặc biệt xem xét:

- Mức độ cam kết chính trị và quyết tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương.
- Tinh thần chủ động, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm trong triển khai thí điểm.
- Khả năng phối hợp với các sở, ban, ngành của Thành phố.
- Khả năng tạo ra kết quả thực chất và lan tỏa, nhân rộng mô hình.

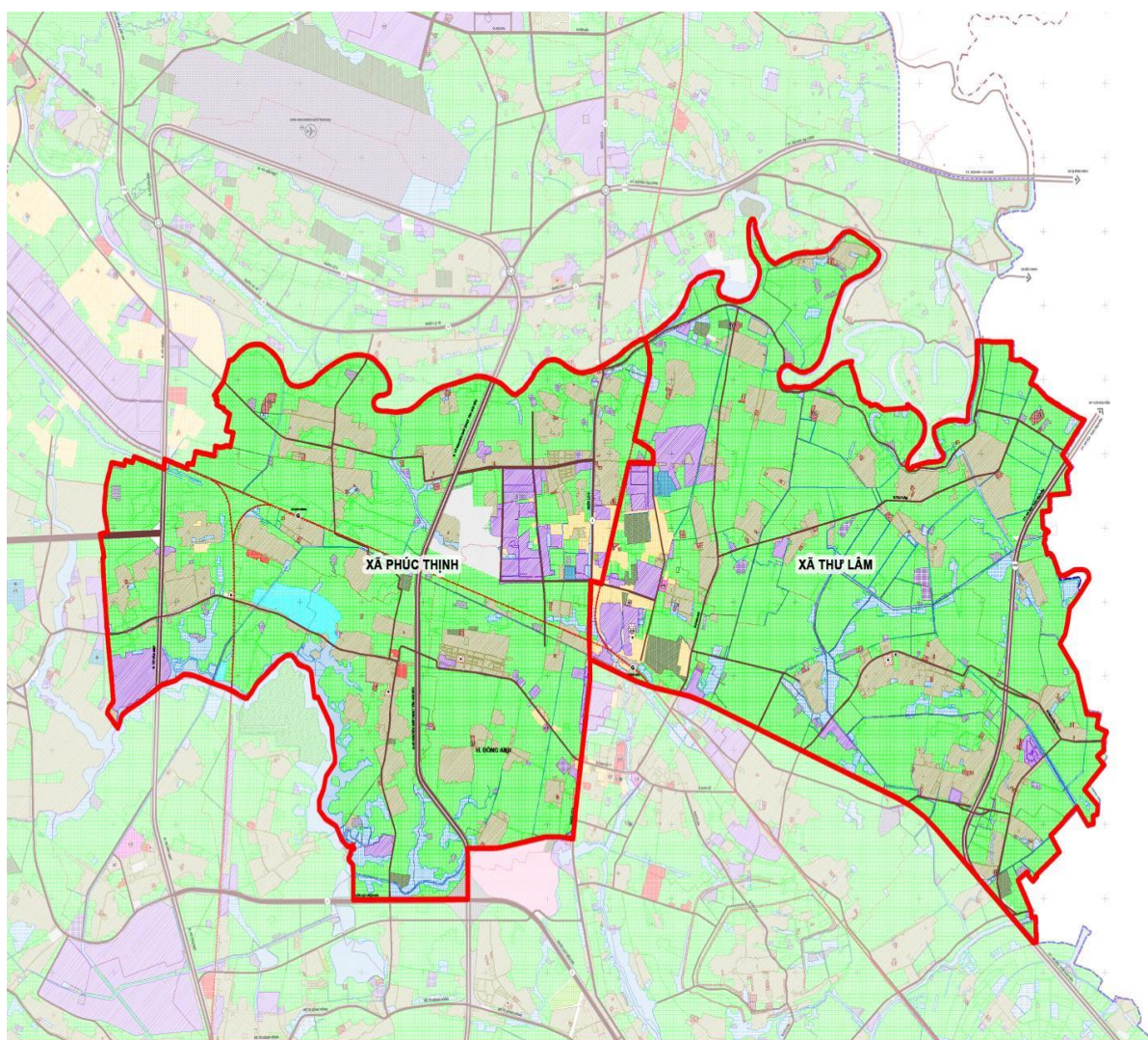
Việc lựa chọn địa bàn thí điểm không chỉ dựa trên các điều kiện hiện có mà còn chú trọng yếu tố động, đặc biệt là năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện và mức độ sẵn sàng đổi mới của hệ thống chính trị cơ sở, qua đó bảo đảm địa bàn được lựa chọn không chỉ “có điều kiện” mà thực sự “khả thi”, tạo ra kết quả thực chất và có khả năng lan tỏa, nhân rộng.

PHỤ LỤC 4

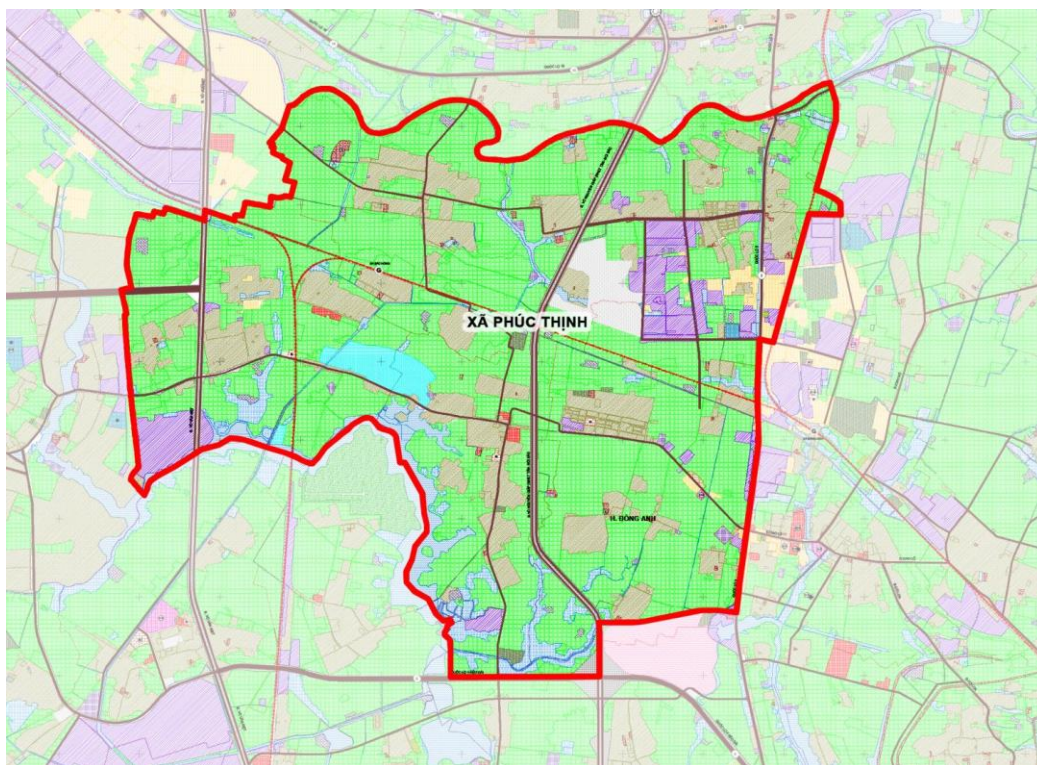
MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA BÀN LỰA CHỌN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM

Triển khai thí điểm tại 02 xã liền kề cơ bản hội tụ đủ điều kiện, còn nhiều dư địa phát triển, đô thị hoá nhanh theo hướng xanh – thông minh - bền vững, có định hướng phát triển phù hợp, thí điểm song song, đến thời điểm cơ bản hoàn thiện sẽ nghiên cứu, báo cáo đề xuất Trung ương xem xét cho phép hợp nhất thành một theo thẩm quyền; với kỳ vọng, đến năm 2030 cơ bản xây dựng được một mô hình xã/phường xã hội chủ nghĩa đảm bảo quy mô, điều kiện đáp ứng nhu cầu, thu hút khoảng 700.000 Người dân sinh sống.

- Tổng Diện tích tự nhiên 2 xã: **86,53 km²**;
- Tổng Dân số hiện tại của 2 xã: **198.751** người;
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: khoảng **90** triệu đồng.
- Dự báo năm 2030 tổng Dân số của 2 xã: **khoảng 690.000** người.



1. Xã Phúc Thịnh.



1.1. Hiện trạng:

(1) Diện tích tự nhiên: **42,69 km²**; trong đó: Diện tích hiện trạng của các thôn làng, khu dân cư, khu đầu giá, tái định cư, giãn dân, cụm công nghiệp: khoảng **1.203 ha**; Dư địa đang được đầu tư phát triển: khoảng **3.065 ha**

(2) Dân số: **95.951** người;

(3) Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: **90,882** triệu đồng.

(4) Tổng sản phẩm 2025 theo giá so sánh: **19.716.075** triệu đồng.

(5) Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Xây dựng: Chiếm tỷ trọng **69,55%**; Thương mại - Dịch vụ: Chiếm tỷ trọng **26,33%**; Nông nghiệp - Thủy sản: Chiếm tỷ trọng **4,12%**.

(6) Thu ngân sách nhà nước (triệu đồng): Dự toán năm 2026: **1.879.539**; Thực hiện quý I/2026: **229.877**, trong đó: Thu từ SXKD: 178.762, Thu từ đất: 67.316.

(7) Công tác giảm nghèo: không còn hộ nghèo; còn khoảng **57** hộ cận nghèo.

(8) Các dự án đầu tư ngoài ngân sách:

+ Tổng số dự án NNS đang được triển khai trên địa bàn **53 dự án** với tổng diện tích khoảng **1.144 ha**.

+ Dư địa còn lại của quỹ đất tự nhiên trên địa bàn xã chưa có dự án đầu tư khoảng **459 ha** (tại khu vực ven đầm Vân Trì và phía Bắc đường Vành đai 3 tại thôn Đồng và thôn Lương Nỗ) với chức năng chủ yếu là: đất cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và mặt nước.

(9) Công tác quy hoạch: Trên địa bàn Xã đã đồng bộ các cấp quy hoạch phát triển đô thị, cụ thể: Diện tích QHCT tỷ lệ 1/500 đã lập trên địa bàn: **khoảng 2.742 ha** (tương đương khoảng 64% tỷ lệ diện tích toàn địa bàn xã). Phần còn lại đã được phủ kín QH phân khu đô thị 1/5000: **khoảng 1.526ha** (hiện Thành phố đang lập các Quy hoạch phân khu đô thị E2-2, E2-3, E1-2, XB-1, XB-5).

1.2. Kế hoạch phát triển từ năm 2026:

(1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 5.573.416 triệu đồng (trong đó: Nguồn thu sử dụng đất là 4.823.780 triệu đồng, Nguồn XDCB tập trung là 749.636 triệu đồng).

(2) Năm 2026: Thành phố giao: 3.948.641 triệu đồng, trong đó:

+ NS cấp thành phố là: 1.496.700 triệu đồng (08 dự án, trong đó thông báo vốn linh hoạt GPMB: 200.000 triệu đồng cho 02 DA).

+ NS thành phố hỗ trợ là: 1.115.141 triệu đồng (39 dự án).

+ NS cấp xã là 1.336.800 triệu đồng.

(3) Vốn ngoài NSNN trên địa bàn: 11 Dự án, tổng mức đầu tư 120.173.000 triệu đồng.

(4) **Tốc độ tăng trưởng: Năm 2026:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế phấn đấu đạt **10,8%/năm; Năm 2030:** Tập trung chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và công nghiệp - xây dựng. Trong đó: Công nghiệp - Xây dựng: Giảm xuống còn **58%**; Thương mại - Dịch vụ: Tăng mạnh lên **39,8%**; Nông nghiệp - Thủy sản: Giảm còn **2,2%**

(5) Dân số theo quy hoạch (ghép từ 3 QH phân khu: E2-3; E2-2; E1-2): khoảng **290.000 người**.

(6) Công tác giảm nghèo: không còn hộ cận nghèo

1.3. Đặc điểm kinh tế, xã hội

Nằm ở cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô, tiếp giáp sông Hồng, gần cầu Nhật Tân, cầu Thăng Long và sân bay quốc tế Nội Bài, nhiều lợi thế về kết nối giao thông đường bộ, đường hàng không và đường thủy. Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, định hướng Phúc Thịnh trở thành khu vực trung tâm

của cực tăng trưởng phía Bắc Thủ đô, có Dự án Khu đô thị đa mục tiêu Bắc Thăng Long Urban City nằm trên địa bàn.¹

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2025, công nghiệp - xây dựng chiếm 69,55%; thương mại - dịch vụ: 26,33%; nông nghiệp-thủy sản: 4,12%.

- Hiện có 1.597 doanh nghiệp hoạt động ổn định và 2.208 hộ kinh doanh nhiều ngành nghề đa dạng. Nhiều dự án lớn đang triển khai như: khu đô thị đa mục tiêu Bắc Thăng Long Urban city; khu nhà ở xã hội Tiên Dương 1, Tiên Dương 2; Bệnh viện TH; trụ sở các đơn vị thuộc Bộ Công an; đường Vành đai 3; 12 dự án lớn trên trục đường Nhật Tân - Nội Bài đang triển khai, định hướng hình thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, thu hút đầu tư mạnh mẽ góp phần thay đổi căn bản diện mạo đô thị phía Bắc sông Hồng...

- Hạ tầng và quy hoạch được phủ kín: Xã cơ bản được phủ kín quy hoạch phân khu đô thị (N3, N5, N7, GN, GN-C). Các đồ án quy hoạch phân khu đô thị được triển khai trên địa bàn Xã nhằm cụ thể hoá các Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội (như: E1-2, E1-3, E2-2, E2-3, XB-5...).

- Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ: Toàn xã có 24 trường học, trong đó 18/19 trường công lập đạt chuẩn Quốc gia (94,7%), 7 trường đạt chuẩn mức độ 2. Năm 2025, Trường THCS Nguyên Khê, Trường Tiểu học Nam Hồng 2 được hoàn thành và đưa vào sử dụng; phong trào văn hóa – văn nghệ – thể dục thể thao phát triển mạnh với 131 câu lạc bộ văn hóa – thể thao, 40 nhà văn hóa – khu thể thao, 8 câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống; tỷ lệ hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 92,36%; 40/40 thôn và tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa; 100% trường hợp qua đời thực hiện hỏa táng; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5%; Xã không còn hộ nghèo.

- **Sản xuất nông nghiệp:** nông nghiệp trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định và có bước phát triển theo hướng tích cực, từng bước thích ứng với quá trình đô thị hóa. *Về trồng trọt chiếm tỷ trọng 9,54% trong giá trị sản xuất nông nghiệp:* Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn đạt 1.686 ha, trong đó diện tích lúa 900 ha/năm (năng suất trên 58 tạ/ha), ngô 15 ha/năm (năng suất bình quân 39,6 tạ/ha),

¹ Dự án Khu đô thị đa mục tiêu Bắc Thăng Long Urban City trên địa bàn xã Thiên Lộc, xã **Phúc Thịnh**, xã Mê Linh; Quy mô: khoảng 699,35 ha; Thời gian thực hiện: dự kiến giai đoạn 2026 - 2032; Sơ bộ tổng mức đầu tư: khoảng 99.886 tỷ đồng. Với quy mô khoảng 160.000-240.000 người dân, lý tưởng để triển khai một mô hình quy hoạch đồng bộ, bài bản và dài hạn. Dự án được kiến tạo trên nền tảng 5 giá trị cốt lõi gồm: Quy hoạch hạ tầng xanh - thông minh - mở; Sinh kế bền vững gắn với văn hóa làng nghề; Giáo dục chất lượng cao gắn với đổi mới sáng tạo; Kết nối đa chiều trong môi trường số văn minh; Chuẩn sống khỏe với hệ thống tiện ích y tế chất lượng cao.

rau các loại 605 ha/năm (năng suất bình quân 246 tạ/ha), cây gia vị, hoa và cây cảnh 166 ha. Có 07 mô hình trồng trọt ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lưới), 08 mô hình chăn nuôi công nghệ cao; 41 cơ sở chế biến nông sản áp dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất và thu hoạch; 21 chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng. Chương trình OCOP được triển khai hiệu quả với 51 sản phẩm của 11 chủ thể, trong đó có 11 sản phẩm đạt hạng 4 sao, qua đó từng bước khẳng định thương hiệu nông sản của Xã trên thị trường. *Về chăn nuôi, thủy sản chiếm tỷ trọng 13,45% trong giá trị sản phẩm nông nghiệp tiếp tục duy trì giá trị lĩnh vực chăn nuôi (nhất là sản xuất giống) và trồng trọt chuyên canh theo vùng.* Tổng diện tích chuồng nuôi 607.793 m²; có 05 trang trại chăn nuôi quy mô lớn, 15 trang trại chăn nuôi quy mô vừa, 31 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ và 1.820 hộ chăn nuôi nông hộ. 68 ha nuôi trồng thủy sản, chủ yếu theo hình thức sản xuất bán công nghiệp với sản lượng 500 tấn cá thương phẩm.

- Thương mại - dịch vụ: Định hướng phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững; tăng cường quy hoạch các khu dịch vụ đa mục tiêu; tập trung, thu hút đầu tư các mô hình kinh doanh quy mô lớn; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Có 05 chợ, 10 siêu thị cùng hệ thống cửa hàng tiện lợi, điểm bán hàng lưu động với sự tham gia của hơn 2.000 hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong nhiều lĩnh vực như bán lẻ hàng tiêu dùng, điện tử - điện máy; dịch vụ ăn uống; vận tải, logistics; sửa chữa; y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, viễn thông... góp phần tạo việc làm và thúc đẩy lưu thông hàng hóa.

- Cụm công nghiệp, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Có Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê và Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Đông Anh với tổng diện tích khoảng 96 ha; ngành nghề chủ yếu: Cơ khí lắp ráp, sản xuất phụ tùng và linh kiện điện tử; sản xuất hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ; Công nghiệp dệt may; Chế biến thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp; Một số ngành công nghiệp khác có giá trị gia tăng cao; Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp truyền thống, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo và các ngành công nghiệp phụ trợ khác. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất như giao thông, điện, nước... cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp hiện tại và trong tương lai gần.

- Doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh: Có 3.625 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, thương mại và dịch vụ (trong đó: 01 doanh nghiệp Nhà nước; 1.589 doanh nghiệp ngoài Nhà nước; 07 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

2.028 hộ kinh doanh), giải quyết việc làm cho hơn 23.236 lao động, với mức thu nhập bình quân từ 8 - 15 triệu đồng/người/tháng.

- **Công nghiệp văn hóa:** có tiềm năng văn hóa phong phú, đa dạng; nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển công nghiệp văn hóa; di sản văn hóa vật thể và phi vật thể: 53 di tích lịch sử văn hoá với 03 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 16 di tích xếp hạng cấp Thành phố; 34 di tích nằm trong danh mục kiểm kê của Thành phố. Có 20 lễ hội: trong đó 13 lễ hội nằm trong danh mục kiểm kê DSVH phi vật thể trên địa bàn Thành phố (*lễ hội truyền thống đình Nguyên Khê, lễ hội truyền thống Đền Sơn Du, lễ hội truyền thống đền Cán Khê, lễ hội truyền thống đình - chùa Lễ Pháp, lễ hội truyền thống đình Lương Nỗ, lễ hội truyền thống đình Tuân Lễ, lễ hội truyền thống đình Cổ Dương, lễ hội Cướp cầu làng Viên Nội, lễ hội truyền thống đình Vân Trì, lễ hội truyền thống đình Tăng My, lễ hội truyền thống đền Địa, lễ hội truyền thống đình Thụy Hà, lễ hội Cầu mát làng Quan Âm*); 07 lễ hội làng không nằm trong danh mục kiểm kê DSVH phi vật thể trên địa bàn Thành phố (*lễ hội truyền thống đền Ba Voi, lễ hội truyền thống làng Khê Nữ, lễ hội truyền thống đình Thượng Phúc, lễ hội truyền thống làng Mỹ Nội, lễ hội truyền thống làng Phù Liễn, lễ hội truyền thống làng Bến Trung, lễ hội truyền thống làng Thố Bảo*).

- **Về nguồn lực nhân lực:** có 50.748 người trong độ tuổi lao động, chiếm khoảng 53,9% dân số, cơ cấu dân số tương đối trẻ. Cơ cấu lao động tương đối đa dạng, gồm lao động nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh theo hướng phi nông nghiệp, với tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 98%, phản ánh rõ xu hướng đô thị hóa và phát triển các ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ trên địa bàn và khu vực lân cận. Chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%. Phân đầu đến năm 2030 có 85% tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xã: 88 công chức, 994 viên chức và 229 lao động hợp đồng. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ, năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm với công việc, có kỹ năng tốt, thái độ giao tiếp thân thiện, linh hoạt khi làm việc với công dân và tổ chức, yên tâm công tác, nỗ lực khắc phục khó khăn, hoàn thành công việc được giao.

- **Nguồn lực đất đai:** thu hút đầu tư nhiều dự án lớn về đô thị, thương mại, dịch vụ (Dự án Khu đô thị đa mục tiêu Urban City; Nhà ở xã hội Tiên Dương 1, Tiên Dương 2, Khu đô thị G18, Khu đô thị The Golf City ven Đầm Vân Trì,...) cùng với việc triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật, dự án đấu giá QSD đất từ đó đã tạo ra diện mạo ngày càng phát triển, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển, tạo nguồn thu lớn trước mắt và lâu dài cho ngân sách nhà nước.

- **Nguồn lực tài chính:** có xu hướng tăng, nguồn thu đa dạng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh; thu từ đất đai (đầu giá quyền sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); cùng với các nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên. Nguồn tài chính của xã vẫn còn phụ thuộc chủ yếu vào các khoản thu từ đất đai và khu vực kinh tế tư nhân, tính ổn định chưa cao. Cần tiếp tục mở rộng nguồn thu, tăng cường thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng lớn và góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững của Xã

- **Nguồn lực hạ tầng - kỹ thuật:** có nền tảng hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ, trong đó hệ thống giao thông giữ vai trò nổi bật. Các tuyến đường trên địa bàn cơ bản được đầu tư hoàn chỉnh, tỷ lệ cứng hóa cao; mạng lưới giao thông công cộng từng bước được mở rộng, góp phần nâng cao năng lực kết nối, vận chuyển và hình thành các trục động lực liên kết với nhiều dự án trọng điểm.

- **Công tác quốc phòng - quân sự** địa phương được duy trì và thực hiện nghiêm túc. Công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, góp phần định hướng tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân tự vệ. Xây dựng, kiện toàn, biên chế lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo đủ về số lượng, đúng độ tuổi, phù hợp chuyên ngành, sát với tình hình thực tế địa phương. Tổ chức tập huấn, huấn luyện các đối tượng theo đúng chương trình, kế hoạch, bảo đảm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ bảo đảm 100% chỉ tiêu được giao, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- **Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội,** an ninh nông thôn, dân tộc, tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định, không phát sinh điểm nóng hay khiếu kiện phức tạp. Triển khai hiệu quả các kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội trên địa bàn... Công tác quản lý người nước ngoài được thực hiện chặt chẽ. Công tác phòng, chống tội phạm được triển khai nhiều đợt cao điểm trấn áp, tập trung vào các tuyến, địa bàn trọng điểm, đồng thời phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, huy động người dân tham gia tố giác, phòng ngừa tội phạm, phòng chống tội phạm ma túy được kiểm soát hiệu quả. Công tác quản lý, giám sát, giáo dục đối tượng thi hành án hình sự tại cộng đồng và triển khai các mô hình tái hòa nhập cộng đồng trên địa bàn xã thực hiện hiệu quả, 100% số đối tượng được quản lý theo quy định. Quản lý hành chính về trật tự xã hội, trật tự an toàn giao thông và phòng cháy chữa cháy được chú trọng thực hiện.

1.4. Định hướng phát triển

- Theo định hướng quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm, xã Phúc Thịnh được xác định là một trong 09 cực tăng trưởng nằm ở phía Bắc Hà Nội với mục tiêu phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và công nghệ cao gắn với cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Với địa bàn Xã đã được phủ quy hoạch hoàn toàn và nằm trên các tuyến huyết mạch như Vành đai 3, Quốc lộ 3, Võ Văn Kiệt là yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả sử dụng đất biến Phúc Thịnh thành trung tâm kết nối với Thủ đô, khai thác trực động lực phát triển Nhật Tân – Nội Bài (đường Võ Nguyên Giáp), tối ưu hóa luồng hàng hóa và dịch vụ và tối ưu hóa không gian phát triển, cùng với hành lang động lực mở ra cơ hội chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất theo hướng đô thị hóa; bố trí các khu chức năng phù hợp, qua đó gia tăng giá trị đất đai, nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất. Khuyến khích các giải pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và sử dụng công nghệ thông minh trong quản lý đô thị, tập trung phát triển hệ thống giao thông công cộng chất lượng cao, bao gồm các tuyến Metro đô thị dự kiến phát triển theo mô hình TOD.

- Quy hoạch đồng bộ, hạ tầng đang từng bước hoàn thiện và phát triển với nhiều tuyến giao thông kết nối, thị trường bất động sản phát triển tăng trưởng cao. Tỷ lệ phủ quy hoạch đạt 100% với 05 đồ án quy hoạch phân khu đô thị (N3, N5, N7, GN, GN-C); Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực dân cư trên địa bàn, bao gồm cả quy hoạch trung tâm xã Vân Nội và xã Bắc Hồng trước đây và Quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài (*trục động lực kinh tế quan trọng nhất của Thành phố*) là cơ sở quan trọng để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp sạch và dịch vụ - thương mại; logistics và kho vận gắn với lợi thế kết nối sân bay; phát triển đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội; nông nghiệp công nghệ cao; cùng các dịch vụ du lịch - sinh thái hỗ trợ. Việc phát triển theo trục động lực giúp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo động lực tăng trưởng bền vững cho xã. Vị trí nằm trên trục kết nối trực tiếp với trung tâm Thủ đô và sân bay quốc tế Nội Bài giúp Phúc Thịnh mở rộng giao thương, tăng tính cạnh tranh, đồng thời gắn kết chặt chẽ với các hành lang kinh tế lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế liên kết vùng.

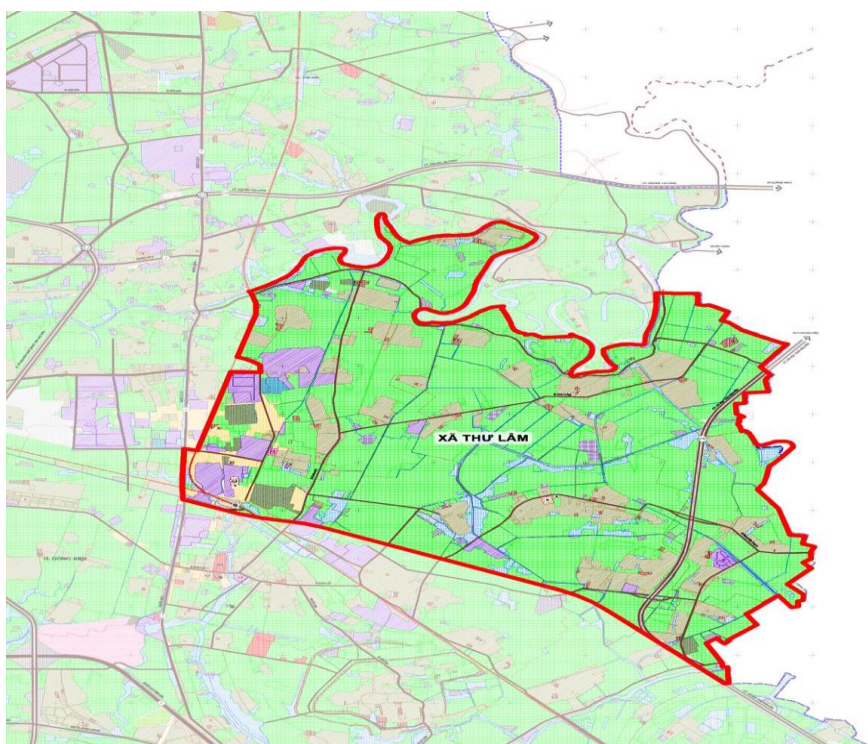
- Các dự án lớn mang tầm quốc gia, các dự án trọng điểm của Thành phố đang triển khai trên địa bàn Xã nhằm hiện thực hoá tầm nhìn phát triển của Thủ đô: dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư...

- Các khu vực dọc sông Thiếp, đầm Vân Trì, sông Cà Lồ có tiềm năng phát triển tổ hợp vui chơi giải trí đa năng đồng bộ, có tính kết nối với các xã: Thư Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn.

- Sở hữu các di tích lịch sử - văn hóa (Cụm di tích đình - chùa Lễ Pháp, Địa đạo Nam Hồng, đình Vân Trì, đền Cán Khê), đồng thời tiếp giáp với các Xã bạn có nhiều khu di tích có giá trị lịch sử như: Đền Cổ Loa, Đền thờ Đức vua Ngô Quyền, Đền Hai Bà Trưng, Đền Sóc Sơn, Đền Sái... có tiềm năng tạo thành chuỗi du lịch tâm linh và là nền tảng phát triển du lịch văn hóa, công nghiệp văn hóa.

- Có tiềm năng nguồn thu ngân sách lớn từ đầu giá quyền sử dụng đất và các dự án ngoài ngân sách có sử dụng đất tạo nguồn lực mạnh mẽ góp phần thúc đẩy đầu tư trở lại hạ tầng giao thông, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút doanh nghiệp, đồng thời mở rộng nguồn thu bền vững cho ngân sách xã.

2. Xã Thư Lâm.



2.1. Hiện trạng:

(1) Diện tích tự nhiên: **43,84 km²**; trong đó: Diện tích hiện trạng của các thôn làng, khu dân cư, khu đầu giá, tái định cư, giãn dân, cụm công nghiệp: khoảng **1.245 ha**; Dự địa đang được đầu tư phát triển: khoảng **1.276 ha**.

(2) Dân số: khoảng **102.800** người;

(3) Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: **87,912** triệu đồng.

(4) Tổng sản phẩm 2025 theo giá so sánh: **9.343.000** triệu đồng.

(5) Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Xây dựng: Chiếm tỷ trọng **53%**; Thương mại - Dịch vụ: Chiếm tỷ trọng **34,8%**; Nông nghiệp - Thủy sản: Chiếm tỷ trọng **12,2%**.

(6) Thu ngân sách nhà nước (triệu đồng): Dự toán năm 2026: **1.837.460**; Thực hiện quý I/2026: **163.412**, trong đó: Thu từ SXKD: 134,858, Thu từ đất: 25.967.

(7) Các dự án đầu tư ngoài ngân sách:

+ Tổng số dự án NNS đang được triển khai trên địa bàn **14 dự án** với tổng diện tích khoảng **1.276 ha**.

+ Dư địa còn lại của quỹ đất tự nhiên trên địa bàn xã chưa có dự án đầu tư khoảng hơn **600 ha** (tại khu vực dọc sông Cà Lồ và giáp tỉnh Bắc Ninh) với chức năng chủ yếu là: đất cây xanh, mặt nước.

(8) Công tác giảm nghèo: không còn hộ nghèo; còn khoảng **117** hộ cận nghèo.

(9) Về quy hoạch: Trên địa bàn Xã đã đồng bộ các cấp quy hoạch, cụ thể:

+ Đã được phủ kín các QH phân khu đô thị tỷ lệ 1/5000 (N5, N6, N7, GN(C), GN(B); QH chung xã tỷ lệ 1/5000 (khu vực nằm ngoài đô thị theo Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011). Hiện Thành phố đang lập các Quy hoạch phân khu đô thị E2-3, , XB-4, phía Đông xã Thư Lâm (theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTG ngày 27/12/2024).

+ Diện tích QHCT tỷ lệ 1/500 đã lập và được phê duyệt trên địa bàn: **khoảng 1.245 ha** (tương đương khoảng 28% tỷ lệ diện tích toàn địa bàn xã).

2.2. Kế hoạch phát triển từ năm 2026:

(1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 4.190.339 triệu đồng (trong đó: Nguồn thu SD đất là 3.408.303 triệu đồng, Nguồn XDCB tập trung: 782.036 triệu đồng).

(2) Năm 2026: Thành phố giao: 3.023.302 triệu đồng, trong đó:

+ NS cấp thành phố là: 448.590 triệu đồng (05 dự án)

+ NS thành phố hỗ trợ là: 1.179.512 triệu đồng (49 dự án)

+ NS cấp xã là 1.395.200 triệu đồng.

(3) Vốn ngoài NSNN trên địa bàn: 03 Dự án, tổng mức đầu tư 61.344.000 triệu đồng.

(4) Tốc độ tăng trưởng:

+ **Năm 2026:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế giao chỉ tiêu đạt **9,9%/năm**

+ **Năm 2030:** Tập trung chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng trưởng nhanh, bền vững, trong đó cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Cụ thể: Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: **55% (tăng 2%)**; Thương mại - Dịch vụ: **36% (tăng 1,2%)**; Nông nghiệp - Thủy sản: **9% (giảm 3,2%)**.

(5) Dân số theo quy hoạch dự kiến: **khoảng 400.000 người**.

(6) Công tác giảm nghèo: không còn hộ cận nghèo trong năm **2027**.

2.3. Đặc điểm kinh tế, xã hội:

Trên địa bàn xã hiện có nhiều dự án lớn đang được triển khai, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, bao gồm: Khu đô thị đa mục tiêu²; Khu đô thị mới Liên Hà; Khu công nghiệp Đông Anh; 05 cụm Công nghiệp; các khu nhà ở xã hội; đường Vành đai 3; cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (Quốc lộ 3 mới), đường sắt cao tốc Hà Nội – Lào Cai – Hải Phòng, trực kết nối với sân bay Gia Bình và hệ thống giao thông liên xã, liên tỉnh.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, tăng tỷ trọng công nghiệp – thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; chuyển đổi sang đô thị – công nghiệp – dịch vụ theo đúng định hướng. Công nghiệp – TTCN: 53%, đạt ~4.676.000 triệu đồng - chủ lực, tăng trưởng mạnh; Thương mại – Dịch vụ: 34,8%, đạt ~3.383.000 - tăng nhanh, dư địa lớn; Nông - lâm - thủy sản: 12,2%, đạt ~1.284.000 - giảm dần; Tỷ trọng nông nghiệp rất thấp, thuận lợi cho GPMB, phát triển dự án.

Năm 2025, UBND xã Thư Lâm được giao kế hoạch vốn là 3.051.689 triệu đồng, phân bổ cho 552 dự án, kết quả giải ngân là 2.964.509/3.051.689 triệu đồng, đạt tỷ lệ 97,14%.

Hạ tầng giao thông được đầu tư cải tạo nâng cấp, nhiều tuyến trục liên xã được khởi công triển khai xây dựng; 21/23 trường học đạt chuẩn quốc gia; xã đã đạt chuẩn về y tế. Hệ thống chiếu sáng theo tiêu chuẩn đô thị phủ khắp, tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch đạt 100%. Công viên mini, sân chơi sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hoá, hạ tầng thoát nước, ao hồ được cải tạo đồng bộ đáp ứng yêu cầu sinh

² Dự án có quy mô khoảng 696 ha, bao gồm 03 khu đất thuộc các phân khu đô thị khác nhau, dự kiến đáp ứng quy mô dân số khoảng 200.000 người. Trong đó, **khu đất thứ nhất có diện tích khoảng 360 ha, nằm trên địa bàn xã Thư Lâm, thuộc phân khu đô thị E2-3**. Khu đất thứ hai có quy mô khoảng 23 ha, thuộc xã Đông Anh, phân khu đô thị XB-2. Khu đất thứ ba có diện tích khoảng 313 ha, cũng thuộc phân khu đô thị XB-2, tiếp giáp đường Vành đai 3, đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, khu đầu giá Việt Hùng và khu Di tích Cổ Loa. Dự án được triển khai kể từ thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, với tiến độ thực hiện trong gần 4 năm, từ quý I/2026 đến quý III/2029. Công tác giải phóng mặt bằng và triển khai xây dựng được thực hiện song song nhằm sớm bố trí nhà ở tái định cư cho người dân.

hoạt, nâng chất lượng đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người dân.

Với diện tích tự nhiên lớn, quy mô dân số đông, nguồn lao động dồi dào, kinh tế khu, cụm công nghiệp, làng nghề đặc sắc nhiều tiềm năng phát triển với các trục giao thông được quy hoạch, đầu tư là động lực quan trọng tạo ra lợi thế về giao thương, thu hút đầu tư và phát triển đô thị.

- **Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:** có 02 Cụm công nghiệp – tiểu thủ làng nghề và 05 cụm công nghiệp dự kiến đưa vào khai thác sử dụng cuối năm 2026, 01 khu công nghiệp Đông Anh dự kiến khởi công quý II năm 2026, với tổng diện tích khoảng 400ha, các ngành nghề chủ yếu: Sản xuất hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ; Cơ khí lắp ráp, sản xuất phụ tùng và linh kiện điện tử; Công nghiệp dệt may; Chế biến thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp; Một số ngành công nghiệp khác có giá trị gia tăng cao;

Lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp của xã phát triển nhanh và tương đối ổn định, với nhiều loại hình sản xuất đa dạng. Có làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống Vân Hà và Liên Hà, chuyên sản xuất các mặt hàng đồ gỗ mỹ nghệ, nội thất có chất lượng, được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường trong nước, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhiều lao động địa phương.

Toàn xã hiện có khoảng trên 3.100 doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh đang hoạt động, trong đó có trên 1.000 doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, thương mại và dịch vụ. Các doanh nghiệp này đang giải quyết việc làm cho hơn 15.000 lao động, với mức thu nhập bình quân từ 8 - 15 triệu đồng/người/tháng.

- **Thương mại - dịch vụ:** Với vị trí địa lý thuận lợi – nằm gần trục giao thông huyết mạch như đường Vành đai 3, đường dẫn cầu Tứ Liên, đường nối sân bay Gia Bình và kết nối vùng với các khu công nghiệp, đô thị lớn – Thủ Lâm đang từng bước hình thành các khu vực trung tâm thương mại, dịch vụ tập trung, phục vụ cả nhu cầu trong xã và vùng phụ cận.

- **Sản xuất nông nghiệp:** Giá trị sản xuất nông nghiệp: 541 tỷ đồng/năm, chiếm tỷ trọng 1,9%. *Lĩnh vực trồng trọt (chiếm tỷ trọng 8,6%):* Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã đạt 1.286 ha (trong đó lúa 800 ha/năm, năng suất trên 58 tạ/ha; ngô 10 ha/năm, năng suất bình quân đạt 39,6 tạ/ha; rau các loại 400 ha/năm, năng suất bình quân đạt 246 tạ/ha; cây gia vị, hoa, cây cảnh: 76 ha). *Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản tiếp tục duy trì giá trị lĩnh vực chăn nuôi (nhất là sản xuất giống) và trồng trọt chuyên canh theo vùng.* Về thủy sản, toàn xã có 38 ha nuôi trồng thủy sản, chủ yếu theo hình thức sản xuất bán công nghiệp với sản lượng

500 tấn cá thương phẩm các loại. Cả 5/5 xã (cũ) đều đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các tiêu chí đều ở mức cao.

- **Công nghiệp văn hóa:** sở hữu nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển công nghiệp văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa vật thể và phi vật thể: Hội rước vua giả đền Sái, Hội rỗi nước Đào Thục... kết hợp phát triển du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng, có 02 trung tâm văn hóa thể thao; toàn bộ thôn, khu, tổ dân phố có chơi, sân thể thao. Có truyền thống hiếu học, khoa bảng, giàu bản sắc văn hóa Kinh Bắc – Thăng Long xưa, hệ thống di tích dày đặc, nhiều di tích cấp quốc gia với nhiều lễ hội truyền thống độc đáo có thể khai thác để phát triển du lịch văn hóa, du lịch làng nghề kết hợp với đô thị sinh thái.

- Trạm Y tế Xã gồm 02 toà nhà 3 tầng, các khối phụ trợ với 20 phòng phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

- Toàn xã có 05 chợ và 10 siêu thị, trung tâm điện máy với diện tích 73.509m².

- 100% công trình giáo dục (MN, TH, THCS) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo. Toàn xã có tổng số 24 trường học (19 trường công lập và 5 trường tư thục), 18/19 trường công lập đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- **Nguồn nhân lực:** Có 60.748 người trong độ tuổi lao động, chiếm khoảng 59,9% dân số, cho thấy cơ cấu dân số tương đối trẻ. Cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh theo hướng phi nông nghiệp, với tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 95%, phản ánh rõ xu hướng đô thị hóa và phát triển các ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ trên địa bàn và khu vực lân cận. Chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, cao hơn so với giai đoạn trước và mặt bằng chung khu vực nông thôn, thể hiện hiệu quả của công tác đào tạo nghề và bồi dưỡng kỹ năng. Phấn đấu đến năm 2030 có 85% tỷ lệ lao động qua đào tạo.

- **Nguồn lực tài chính, đất đai:** thu hút đầu tư nhiều dự án lớn về đô thị, thương mại, dịch vụ (Dự án Khu đô thị đa mục tiêu; khu công nghiệp Đông Anh, khu đô thị Liên Hà,...) cùng với việc triển khai nhiều dự án hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu giá QSD đất từ đó đã tạo ra diện mạo của xã Thư Lâm ngày càng phát triển, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển, tạo nguồn thu lớn trước mắt và lâu dài cho ngân sách nhà nước. Có 2.149 doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ hoạt động; 412 hộ kinh doanh thuộc diện phải nộp thuế.

- *An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo ổn định, không xảy ra vụ việc phức tạp, đột xuất, bất ngờ.* Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội được

kiểm chế, làm giảm rõ rệt các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, cờ bạc, mại dâm, đua xe trái phép... ban hành Quy chế hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, phát huy hiệu quả trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vi phạm, góp phần giữ vững ổn định. Công tác bảo vệ an ninh, an toàn các mục tiêu, địa bàn trọng điểm được triển khai nghiêm túc; đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các sự kiện chính trị, hoạt động tập trung đông người và các đoàn công tác của lãnh đạo Trung ương, Thành phố. Công tác PCCC và CNCH được duy trì thường xuyên; kiểm tra tại các cơ sở, chợ, trường học, khu dân cư; hướng dẫn hộ kinh doanh trang bị bình chữa cháy, phương tiện thoát hiểm; lực lượng dân phòng trực 24/7, sẵn sàng ứng phó khi có sự cố. Trong năm 2025 không xảy ra vụ cháy, nổ hoặc tai nạn nghiêm trọng. Triển khai hiệu quả mô hình **“Cổng trường học an toàn, văn minh”**, thực hiện kế hoạch **“Xã không ma túy”**, duy trì tuần tra thường xuyên, kịp thời xử lý các vụ việc phát sinh, không để hình thành điểm nóng.

- *Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được giữ vững ổn định, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.* Phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ huy quân sự, Công an xã và lực lượng dân phòng trong công tác tuần tra, trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, dịp nghỉ Lễ và hoạt động đón tiếp các đoàn khách Quốc tế tại Thủ đô. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, đảm bảo đúng kế hoạch, đủ quân số, chất lượng cao. Công tác đăng ký, quản lý nguồn nghĩa vụ quân sự được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

2.4. Định hướng phát triển

- Theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm, phát triển theo mô hình chùm đô thị đa cực, đa trung tâm; định hướng phát triển các cực tăng trưởng: Thành phố tập trung phát triển không gian văn hóa và kinh tế theo 09 cực chính. Xã Thư Lâm nằm trong Cực phía Bắc (Đông Anh - Mê Linh - Sóc Sơn), được xác định là trung tâm đô thị dịch vụ, thương mại quốc tế, tài chính và công nghiệp công nghệ cao gắn với sân bay Nội Bài. Có vị trí địa lý rất thuận lợi, là đầu mối giao thông - dịch vụ - logistic quan trọng gắn với các trục động lực lớn như: tuyến đường Vành đai 3, khu công nghiệp Đông Anh, Khu đô thị đa mục tiêu, đường dẫn cầu Tứ Liên, cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (Quốc lộ 3 mới), đường sắt cao tốc Hà Nội – Lào Cai – Hải Phòng, trục kết nối với sân bay Gia Bình, các dự án giao thông liên xã, liên kết vùng sau khi hoàn thành sẽ tạo động lực lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và góp phần chung vào tăng trưởng 02 con số của Thành phố. Việc triển khai các dự án trọng điểm của Trung ương và của Thành phố trên địa bàn xã như đường sắt Hà Nội – Lào Cai, đường nối sân bay Gia Bình, đường

dẫn cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (TC17)khu đô thị đa mục tiêu là những “cú hích” lớn về nhu cầu thương mại và kết nối vùng.

- Phát triển theo hướng đô thị hóa gắn với nâng cao chất lượng sống, bảo tồn, phát huy các nét đặc sắc về văn hoá, kinh tế làng nghề truyền thống và mở rộng tìm hướng phát triển mới liên kết với các thị trường tiềm năng, đặc biệt tại các khu vực gắn với di sản, di tích lịch sử.

- Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản làng nghề. Khai thác hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh phát triển công nghiệp, dịch vụ. Hình thành các tổ hợp công trình văn hóa, các công viên sinh thái và các hoạt động vui chơi giải trí.

- Đến năm 2030, xây dựng xã Thụ Lâm phát triển kinh tế địa phương theo hướng tăng trưởng nhanh, bền vững theo mô hình tăng trưởng mới, hiệu quả, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa bàn. Tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ, du lịch, công nghiệp văn hóa, kết hợp với tiểu thủ công nghiệp truyền thống và nông nghiệp sinh thái, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - du lịch chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

- Đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, viễn thông, cây xanh...) theo quy hoạch. Đảm bảo khớp nối đồng bộ với khu dân cư hiện có và các khu đô thị mới. Phát triển hạ tầng đô thị xanh, đồng bộ và hòa hợp với cảnh quan - văn hóa - không gian di tích; đầu tư phát triển không gian công cộng, công viên giáo dục, cảnh quan mở, gắn kết với hạ tầng số, giao thông thông minh và quản trị đô thị hiện đại. Nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội toàn diện, xây dựng môi trường sống an toàn - sáng - xanh - sạch - đẹp./.